

Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

**Câu 1.** Số thập phân “tám đơn vị, hai phần nghìn” được viết là:

- A. 82                                      B. 8,2  
C. 8,02                                    D. 8,002

**Câu 2.** Phân số thập phân  $\frac{834}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,0834                                B. 0,834  
C. 8,34                                     D. 83,4

**Câu 3.** Trong các số thập phân 42, 538; 41,835; 42,358; 41,538 số thập phân lớn nhất là:

- A. 42,538                                 B. 41,835  
C. 42,358                                 D. 41,538

**Câu 4.** Mua 12 quyển vở hết 24000 đồng. Vậy mua 30 quyển vở như thế hết số tiền là:

- A. 60000 đồng                         B. 72000 đồng  
C. 6000 đồng                            D. 720 000 đồng

**Câu 5.** Một hình tam giác có độ dài đáy là 2m và chiều cao là 5,8dm thì diện tích hình tam giác trên là:

- A.  $116m^2$                                 B.  $58dm^2$   
C.  $58m^2$                                  D.  $116dm^2$

**Câu 6.** Chọn dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm: 3,71 ... 3,685

- A. =                                        B. >                                        C. <

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)****Bài 1.** (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

$$5,1 + 4,65 \qquad \qquad \qquad 70,4 - 32,8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$12,5 \times 3$$

$$24 : 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2.** (2 điểm) Tìm x, biết:

a)  $x \times 4,8 = 60$

b)  $100 - x : 6 = 77,8$

**Bài 3.** (2 điểm) Lớp 5A có 40 học sinh, trong đó số học sinh nữ là 30 em còn lại là học sinh nam.

Tìm tỉ số phần trăm của học sinh nam và số học sinh lớp 5A.

**Bài 4.** (1 điểm) Tính nhanh

$$3,456 \times 40 + 3,456 \times 460 + 3,456 \times 500$$

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

## Phương pháp:

- Dựa vào cấu tạo của số thập phân đã cho để viết số đó.
- Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

## Cách giải:

Số thập phân "tám đơn vị, hai phần nghìn" được viết là 8,002. **Chọn D.**

## Câu 2.

## Phương pháp:

Áp dụng các cách viết:  $\frac{1}{100} = 0,01$

## Cách giải:

Phân số thập phân  $\frac{834}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là 8,34. **Chọn C.**

## Câu 3.

## Phương pháp:

So sánh các số thập phân đã cho, từ đó tìm được số thập phân lớn nhất trong các số đó.

## Cách giải:

$41,538 < 41,835 < 42,358 < 42,538$ .

Vậy số lớn nhất trong các số đã cho là 42,538. **Chọn A.**

## Câu 4.

## Phương pháp:

Giải bài toán bằng phương pháp "rút về đơn vị":

- Tìm số tiền khi mua 1 quyển vở ta lấy số tiền khi mua 12 quyển vở chia cho 12.
- Tìm số tiền khi mua 30 quyển vở ta lấy số tiền khi mua 1 quyển vở nhân với 30.

## Cách giải:

Mua 1 quyển vở hết số tiền là:

$$24000 : 12 = 2000 \text{ (đồng)}$$

Mua 30 quyển vở như thế hết số tiền là:

$$2000 \times 30 = 60000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 60000 đồng.

## Chọn C.

**Câu 5.****Phương pháp:**

- Đổi:  $2\text{m} = 20\text{dm}$ .

- Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

**Cách giải:**

Đổi:  $2\text{m} = 20\text{dm}$ .

Diện tích hình tam giác đó là:

$$20 \times 5,8 : 2 = 58 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số:  $58\text{dm}^2$ .

**Chọn B.****Câu 6.****Phương pháp:**

Trong hai số nguyên có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần mười lớn hơn thì số đó lớn hơn.

**Cách giải:**

Ta có:  $3,71 > 3,685$  (vì phần nguyên bằng nhau, ở hàng phần mười có  $7 > 6$ )

**Chọn B.****II. PHẦN TỰ LUẬN****Bài 1.****Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 5,1 \\ + 4,65 \\ \hline 9,75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70,4 \\ - 32,8 \\ \hline 37,6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12,5 \\ \times 3 \\ \hline 37,5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \overline{) 5} \\ \underline{40} \phantom{0} \\ 0 \phantom{0} \end{array}$$

**Bài 2.****Phương pháp:**

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

**Cách giải:**

a)  $x \times 4,8 = 60$

$x = 60 : 4,8$

$x = 12,5$

b)  $100 - x : 6 = 77,8$

$x : 6 = 100 - 77,8$

$x : 6 = 22,2$

$x = 22,2 \times 6$

$x = 133,2$

**Bài 3.****Phương pháp:**

- Tìm số học sinh nam ta lấy số học sinh cả lớp trừ đi số học sinh nữ.
- Tìm tỉ số phần trăm của học sinh nam và số học sinh lớp 5A ta tìm thương của số học sinh nam và số học sinh lớp 5A, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

**Cách giải:**

Lớp 5A có số học sinh nam là:

$$40 - 30 = 10 \text{ (học sinh)}$$

Tỉ số phần trăm của học sinh nam và số học sinh lớp 5A là:

$$10 : 40 = 0,25 = 25\%$$

Đáp số: 25%.

**Bài 4.****Phương pháp:**

- Áp dụng công thức:

$$a \times b + a \times c + a \times d = a \times (b + c + d)$$

- Áp dụng cách nhân một số thập phân với 1000.

**Cách giải:**

$$3,456 \times 40 + 16 \times 460 + 16 \times 500$$

$$= 3,456 \times (40 + 460 + 500)$$

$$= 3,456 \times 1000$$

$$= 3456$$

Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

**Câu 1.** Hỗn số  $2\frac{34}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 2,034                      B. 0,234                      C. 23,4                      D. 2,34

**Câu 2.** Chữ số 8 trong số 36,082 thuộc hàng nào?

- A. Hàng đơn vị                      B. Hàng phần mười  
C. Hàng phần trăm                      D. Hàng phần nghìn

**Câu 3.** Trong các số: 69,54; 9,07; 105,8; 28,3. Số bé nhất là:

- A. 69,54                      B. 9,07  
C. 105,8                      D. 28,3

**Câu 4.** Số thập phân thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $6\text{hm}^2\ 47\text{m}^2 = \dots\dots\text{hm}^2$  là:

- A. 6,0047                      B. 6,047  
C. 6,47                      D. 0,647

**Câu 5.** Tìm  $x$ , biết:  $x \times 0,125 = 1,09$ . Vậy  $x$  là:

- A. 0,872                      B. 87,2  
C. 8,72                      D. 872

**Câu 6.** 10 người làm xong một sân trường phải hết một tuần lễ. Nay muốn làm xong sân trường đó trong 5 ngày thì cần bao nhiêu người? (sức làm của mỗi người như nhau)

- A. 12 người                      B. 14 người  
C. 15 người                      D. 20 người

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)****Bài 1** (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

$24,206 + 38,497$

$85,34 - 46,29$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$40,5 \times 5,3$

$28,32 : 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2** (1 điểm). Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Tỉ số phần trăm của hai số 10,26 và 36 là 2,85%. .....

b) 65% của một số là 78. Vậy số đó là: 120. ....

**Bài 3** (2,5 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích là  $340,2m^2$  và chiều dài là 32,4m. Tính chu vi của mảnh đất đó.

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 4** (1,5 điểm). Hãy tìm hiểu lãi suất gửi ngân hàng ở địa phương em và tính xem nếu gửi 20 000 000 đồng thì sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

.....  
.....  
.....  
.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 2

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

**Phương pháp:**

Áp dụng cách viết:  $\frac{1}{100} = 0,01$

**Cách giải:**

Hỗn số  $2\frac{34}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là 2,34. **Chọn D.**

## Câu 2.

**Phương pháp:**

Những chữ số thuộc phần thập phân theo thứ tự từ trái sang phải lần lượt thuộc hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn, ...

**Cách giải:**

Chữ số 8 trong số 36,082 thuộc hàng phần trăm. **Chọn C.**

## Câu 3.

**Phương pháp:**

So sánh các số thập phân đã cho, từ đó tìm được số thập phân bé nhất trong các số đó.

**Cách giải:**

$9,07 < 28,3 < 69,54 < 105,8$ .

Vậy số bé nhất trong các số đã cho là 9,07. **Chọn B.**

## Câu 4.

**Phương pháp:**

- Xem lại cách viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

- Áp dụng cách chuyển đổi:  $1\text{hm}^2 = 10000\text{m}^2$  hay  $1\text{m}^2 = \frac{1}{10000}\text{hm}^2 = 0,0001\text{hm}^2$ .

**Cách giải:**

Ta có:  $6\text{hm}^2 47\text{m}^2 = 6\frac{47}{10000}\text{hm}^2 = 6,0047\text{hm}^2$ .

Vậy số thập phân thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $6\text{hm}^2 47\text{m}^2 = \dots\dots\text{hm}^2$  là 6,0047.

**Chọn A.**

## Câu 5.

**Phương pháp:**

x là thừa số chưa biết, muốn tìm x ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

**Cách giải:**



$$x \times 0,125 = 1,09$$

$$x = 1,09 : 0,125$$

$$x = 8,72.$$

**Chọn C.**

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Giải bài toán bằng phương pháp "rút về đơn vị":

- Tìm số người cần có nếu muốn làm xong sân trường trong 1 ngày.
- Tìm số người cần có nếu muốn làm xong sân trường trong 5 ngày.

**Cách giải:**

Đổi: 1 tuần lễ = 7 ngày

Muốn làm xong sân trường trong 1 ngày thì cần số người là:

$$10 \times 7 = 70 \text{ (người)}$$

Muốn làm xong sân trường đó trong 5 ngày thì cần số người là:

$$70 : 5 = 14 \text{ (người)}$$

Đáp số: 14 người.

**Chọn B.**

## II. PHẦN TỰ LUẬN

**Bài 1.**

**Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 24,206 \\ + 38,497 \\ \hline 62,703 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85,34 \\ - 46,29 \\ \hline 39,05 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40,5 \\ \times 5,3 \\ \hline 1215 \\ 2025 \\ \hline 214,64 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 28,32 & 8 \\ 43 & 3,54 \\ \hline 32 \\ 0 \end{array}$$

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

a) Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số 10,26 và 36 ta tìm thương của 10,26 và 36, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

b) 65% của một số là 78. Muốn tìm số đó ta lấy 78 chia cho 65 rồi nhân với 100 hoặc lấy 78 nhân với 100 rồi chia cho 65.

**Cách giải:**

a) Tỉ số phần trăm của hai số 10,26 và 36 là:

$$10,26 : 36 = 0,285 = 28,5\%$$

Vậy khẳng định “Tỉ số phần trăm của hai số 10,26 và 36 là 2,85%” là sai.

Điền S.

b) 65% của một số là 78. Vậy số đó là:

$$78 : 65 \times 100 = 120.$$

Vậy khẳng định “65% của một số là 78. Vậy số đó là: 120.” là đúng.

Điền Đ.

**Bài 3.**

**Phương pháp:**

- Tính chiều rộng = diện tích : chiều dài.
- Tính chu vi = (chiều dài + chiều rộng)  $\times$  2.

**Cách giải:**

Chiều rộng mảnh đất đó là:

$$340,2 : 32,4 = 10,5 \text{ (m)}$$

Chu vi mảnh đất đó là:

$$(32,4 + 10,5) \times 2 = 85,8 \text{ (m)}$$

Đáp số: 85,8m.

**Bài 4.**

**Phương pháp:**

- Học sinh tự liên hệ thực tế để biết lãi suất gửi ngân hàng.
- Tìm số tiền lãi nhận được sau 1 tháng.
- Tìm tổng số tiền gốc và tiền lãi nhận được sau 1 tháng.

**Cách giải:**

Giả sử lãi suất gửi ngân hàng là 0,5% một tháng.

Số tiền lãi sau một tháng là:

$$20\,000\,000 : 100 \times 0,5 = 100\,000 \text{ (đồng)}$$

Sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là:

$$20\,000\,000 + 100\,000 = 20\,100\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 20 100 000 đồng.

Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

**Câu 1.** Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 869,457 là:

A.  $\frac{5}{10}$

B.  $\frac{5}{1000}$

C. 50

D.  $\frac{5}{100}$

**Câu 2.** Số thập phân mà phần nguyên là số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số, phần thập phân là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số là:

A. 101,9998

B. 111,1998

C. 103,1988

D. 100,8888

**Câu 3:** Điền dấu (>, < hoặc =) thích hợp vào chỗ trống

$23\text{ha } 45\text{m}^2 \dots\dots\dots 23,45\text{ha}$

A. &gt;

B. =

C. &lt;

**Câu 4.** Tổng của hai số là 0,6. Thương của số bé và số lớn cũng bằng 0,6. Tìm hai số.

A. 0,2 và 0,4

B. 0,225 và 0,375

C. 0,235 và 0,2

D. 0,48 và 0,12

**Câu 5.** Trong bể có 25 con cá, trong đó có 20 con cá chép. Tỷ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

A. 5%

B. 20%

C. 80%

D. 100%

**Câu 6.** 45% của 120 là:

A. 540

B. 54

C. 45

D. 12

**II. PHẦN TỰ LUẬN****Bài 1** (1 điểm): Đặt tính rồi tính:

$146,34 + 521,85$

$745,5 - 14,92$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$25,04 \times 3,5$$

.....  
 .....  
 .....

$$66,15 : 63$$

.....  
 .....  
 .....

**Bài 2** (2 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a)  $207,5 - 12,3 \times 2,4 + 8,5$

b)  $502 - (45,5 + 22,5 \times 12)$

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Bài 3** (3 điểm): Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng kém chiều dài 4,5m.

a) Tính diện tích mảnh đất đó?

b) Người ta dành 15% diện tích đất để làm nhà. Tính diện tích phần đất làm nhà.

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Bài 4** (1 điểm): Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm

Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 10 000 000 đồng. Sau 1 tháng cả số tiền gửi và số tiền lãi là: ..... đồng.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 3

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

## Phương pháp:

Xác định hàng của chữ số 5 trong số thập phân đã cho, từ đó xác định giá trị của chữ số đó.

## Cách giải:

Chữ số 5 trong số thập phân 879,457 thuộc hàng phần trăm nên có giá trị là  $\frac{5}{100}$

## Chọn D.

## Câu 2.

## Phương pháp:

- Tìm số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số và số chẵn lớn nhất có bốn chữ số.
- Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

## Cách giải:

Số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số là 101.

Số chẵn lớn nhất có bốn chữ số là 9998.

Vậy số thập phân cần tìm là 101,9998.

## Chọn A.

## Câu 3.

## Phương pháp:

Viết các số đo về cùng đơn vị đo là ha rồi so sánh kết quả với nhau.

## Cách giải:

Ta có:  $23\text{ha } 45\text{m}^2 = 23\frac{45}{10000}\text{ha} = 23,0045\text{ha}$ .

Mà:  $23,0045\text{ha} < 23,45\text{ha}$ .

Vậy:  $23\text{ha } 45\text{m}^2 < 23,45\text{ha}$ .

## Chọn C.

## Câu 4.

## Phương pháp:

- Viết  $0,6 = \frac{3}{5}$ . Khi đó ta có tỉ số của số bé và số lớn.
- Tìm số bé và số lớn theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

## Cách giải:

Ta có:  $0,6 = \frac{3}{5}$

Do đó tỉ số của số bé và số lớn là  $\frac{3}{5}$ , hay số bé bằng  $\frac{3}{5}$  số lớn.

Coi số bé gồm 3 phần bằng nhau thì số lớn gồm 5 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$0,6 : 8 \times 3 = 0,225$$

Số lớn là:

$$0,6 - 0,225 = 0,375$$

Đáp số: Số bé: 0,225

Số lớn: 0,375

**Chọn B.**

**Câu 5.**

**Phương pháp:**

Muốn tìm tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể ta tìm thương của số cá chép và số cá trong bể, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

**Cách giải:**

Tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

$$20 : 25 = 0,8 = 80\%$$

Đáp số: 80%.

**Chọn C.**

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Muốn

**Cách giải:**

45% của 120 là:

$$120 : 100 \times 45 = 54$$

$$\text{Hoặc: } 120 \times 45 : 100 = 54$$

**Chọn B.**

**II. PHẦN TỰ LUẬN****Bài 1.****Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 146,34 \\ + 521,85 \\ \hline 668,19 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 745,5 \\ - 14,92 \\ \hline 730,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25,04 \\ \times 3,5 \\ \hline 12520 \\ 7512 \\ \hline 87,640 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 66,15 & 63 \\ 315 & 1,05 \\ \hline & 0 \end{array}$$

**Bài 2.****Phương pháp:**

- Biểu thức có dấu ngoặc thì tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.
- Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện phép nhân, chia trước; thực hiện phép cộng, trừ sau.

**Cách giải:**

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 207,5 - 12,3 \times 2,4 + 8,5 \\ & = 207,5 - 29,52 + 8,5 \\ & = 177,98 + 8,5 \\ & = 186,48 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 502 - (45,5 + 22,5 \times 12) \\ & = 502 - (45,5 + 270) \\ & = 502 - 315,5 \\ & = 186,5 \end{aligned}$$

**Bài 3.****Phương pháp:**

- Tính chiều rộng ta lấy chiều dài trừ đi 4,5m.
- Tính diện tích ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.
- Tính diện tích phần đất làm nhà ta lấy diện tích mảnh đất chia cho 100 rồi nhân với 15 hoặc lấy diện tích mảnh đất nhân với 15 rồi chia cho 100.

**Cách giải:**

a) Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$24 - 4,5 = 19,5 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$24 \times 19,5 = 468 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Diện tích phần đất làm nhà là:

$$468 : 100 \times 15 = 70,2 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a)  $468\text{m}^2$ ;

b)  $70,2\text{m}^2$ .

**Bài 4.****Phương pháp:**

- Tính số tiền lãi ta lấy số tiền gửi chia cho 100 rồi nhân với 0,6.
- Tính tổng số tiền gửi và tiền lãi = tiền gửi + tiền lãi.

**Cách giải:**

Số tiền lãi sau một tháng là:

$$10\ 000\ 000 : 100 \times 0,6 = 60\ 000 \text{ (đồng)}$$

Sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là:

$$10\ 000\ 000 + 60\ 000 = 10\ 060\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 10 060 000 đồng.



Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 4**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) trước câu trả lời đúng nhất

**Câu 1.** Số “Tám mươi chín phẩy bảy mươi bảy” viết là:

A. 809,77

B. 89,77

C. 89,707

D. 98,77

**Câu 2.** Số lớn nhất trong các số 5,25; 5,52; 5,7; 5,58 là:

A. 5,52

B. 5,25

C. 5,7

D. 5,58

**Câu 3.** Số 0,55 viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

A. 0,55%

B. 5,5%

C. 55%

D. 550%

**Câu 4.** Giá trị của biểu thức  $8,6 \times (5,7 - 4,7) + 5,6 : 4$  là:

A. 10

B. 12

C. 7,5

D. 3,55

**Câu 5.**  $6\text{dm}^2 15\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 615

B. 61,5

C. 6,0015

D. 6,15

**Câu 6.** Một hình tam giác có độ dài đáy là 4,5cm, chiều cao 2,4cm. Tính diện tích hình tam giác đó.A.  $10,8\text{cm}^2$ B.  $5,4\text{cm}^2$ C.  $21,6\text{cm}^2$ D.  $4,8\text{cm}^2$ **II. PHẦN TỰ LUẬN****Bài 1.** (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$12,47 + 39,68$

$657,21 - 198,34$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$109,8 \times 5,4$

$91,08 : 3,6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2.** (2 điểm) Tìm x:

a)  $9,8 : x = 2,8 + 7$

b)  $x + 25,6 = 86,5 : 2,5$

**Bài 3.** (2 điểm) Một trại chăn nuôi có số gà và vịt là 1575 con, trong đó 40% là vịt, còn lại là gà.  
Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

**Bài 4.** (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a)  $16,9 + 8,4 + 3,1 + 1,6$

b)  $34,5 \times 6,7 + 34,5 \times 3,3$

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 4

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

**Phương pháp:**

Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

**Cách giải:**

Số “Tám mươi chín phẩy bảy mươi bảy” viết là 89,77. **Chọn B.**

## Câu 2.

**Phương pháp:**

So sánh các số thập phân đã cho, từ đó tìm được số thập phân bé nhất trong các số đó.

**Cách giải:**

$$5,25 < 5,52 < 5,58 < 5,7.$$

Vậy số lớn nhất trong các số đã cho là 5,7. **Chọn C.**

## Câu 3.

**Phương pháp:**

Muốn viết số 0,55 dưới dạng tỉ số phần trăm ta nhân 0,55 với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

**Cách giải:**

Ta có:  $0,55 = 55\%$ . **Chọn C.**

## Câu 4.

**Phương pháp:**

Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện phép nhân, chia trước; thực hiện phép cộng, trừ sau.

**Cách giải:**

$$\begin{aligned} & 8,6 \times (5,7 - 4,7) + 5,6 : 4 \\ & = 8,6 \times 1 + 1,4 \\ & = 8,6 + 1,4 \\ & = 10 \end{aligned}$$

**Chọn A.**

## Câu 5.

**Phương pháp:**

- Xem lại cách viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

- Áp dụng cách chuyển đổi:  $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$  hay  $1\text{cm}^2 = \frac{1}{100}\text{dm}^2 = 0,01\text{dm}^2$ .

**Cách giải:**

Ta có:  $6\text{dm}^2 15\text{cm}^2 = 6\frac{15}{100}\text{dm}^2 = 6,15\text{dm}^2$ .

Vậy số thập phân thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $6\text{dm}^2 15\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$  là 6,15.

**Chọn D.**

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

**Cách giải:**

Diện tích hình tam giác đó là:

$$4,5 \times 2,4 : 2 = 5,4 (\text{cm}^2)$$

Đáp số:  $5,4\text{cm}^2$ .

**Chọn B.**

## II. PHẦN TỰ LUẬN

**Bài 1.**

**Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 12,47 \\ + 39,68 \\ \hline 52,15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 657,21 \\ - 198,34 \\ \hline 458,87 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 109,8 \\ \times 5,4 \\ \hline 4392 \\ 5490 \\ \hline 592,92 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 91,08 \quad | \quad 3,6 \\ 190 \quad | \quad 25,3 \\ \hline 108 \\ 0 \end{array}$$

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

- Tính giá trị vế phải trước.

- Áp dụng các quy tắc:

+ Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

+ Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.

**Cách giải:**

$$a) 9,8 : x = 2,8 + 7$$

$$9,8 : x = 9,8$$

$$x = 9,8 : 9,8$$

$$x = 1$$

$$b) x + 25,6 = 86,5 : 2,5$$

$$x + 25,6 = 34,6$$

$$x = 34,6 - 25,6$$

$$x = 9$$

**Bài 3.**

**Phương pháp:**

- Tìm số con gà ta lấy tổng số con gà và vịt (1575 con) chia cho 100 rồi nhân với 40 hoặc lấy tổng số con gà và vịt (1575 con) nhân với 40 rồi chia cho 100.

- Tìm số con vịt ta lấy tổng số con gà và vịt trừ đi số con gà.

**Cách giải:**

Trại chăn nuôi đó có số con gà là:

$$1575 : 100 \times 40 = 630 \text{ (con)}$$

Trại chăn nuôi đó có số con vịt là:

$$1575 - 630 = 945 \text{ (con)}$$

Đáp số: Gà: 630 con

Vịt: 945 con.

**Bài 4.**

**Phương pháp:**

a) Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp để ghép 16,9 và 3,1 thành một nhóm, ghép 8,4 và 1,6 thành một nhóm.

b) Áp dụng công thức:  $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$ .

**Cách giải:**

$$a) 16,9 + 8,4 + 3,1 + 1,6$$

$$= (16,9 + 3,1) + (8,4 + 1,6)$$

$$= 20 + 10$$

$$= 30$$

$$b) 34,5 \times 6,7 + 34,5 \times 3,3$$

$$= 34,5 \times (6,7 + 3,3)$$

$$= 34,5 \times 10$$

$$= 345$$

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 5**

**Môn: Toán – Lớp 5**

*Thời gian làm bài: 40 phút*

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

**Câu 1.** Số "Bốn mươi bảy đơn vị, bốn phần mười và tám phần trăm " viết như sau:

- A. 47,48
- B. 47,408
- C. 47,0480
- D. 47,048

**Câu 2.** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

$$3\text{m } 8\text{cm} = \dots \text{ m}$$

- A. 38
- B. 3,8
- C. 3,08
- D. 3,008

**Câu 3.** Tìm một số biết 25% của nó là 438. Số đó là:

- A. 1652
- B. 1752
- C. 1852
- D. 1952

**Câu 4.** Phân số  $\frac{1}{2}$  được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 0,5%
- B. 1,2%
- C. 12%
- D. 50%

**Câu 5:** Lớp học có 25 học sinh, trong đó có 13 nữ. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm của lớp học đó?

- A. 13%
- B. 25%
- C. 52%
- D. 48%

**Câu 6:** Một bồn hoa hình tam giác có diện tích là  $18\text{m}^2$  , độ dài đáy là 7,5m. Chiều cao của bồn hoa đó là:

- A. 6m
- B. 4,8m
- C. 2,4m
- D. 13,5m

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)**

**Bài 1.** Đặt tính rồi tính (2 điểm)

$$926,83 + 549,7$$

$$987,054 - 456,18$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$12,6 \times 7,3$

.....  
 .....  
 .....

$9,6 : 1,25$

.....  
 .....  
 .....

**Bài 2.** Tìm  $x$  (2 điểm)

a)  $2,4 : x = 16 : 10$

b)  $x \times 3,5 = 104,92 - 47,52$

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Bài 3. (2 điểm)** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 48m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{2}$  chiều dài. Người ta dành 25% diện tích mảnh đất để đào ao. Tính diện tích đất đào ao.

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Bài 4. (1 điểm)** Tìm một số thập phân biết nếu dịch chuyển dấu phẩy của số đó sang trái 1 chữ số thì được số mới mà tổng của số mới và số cần tìm là 19,25.

.....  
 .....  
 .....  
 .....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

## Phương pháp:

- Dựa vào cấu tạo của số thập phân đã cho để viết số đó.
- Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

## Cách giải:

Số "Bốn mươi bảy đơn vị, bốn phần mười và tám phần trăm " viết là 47,48. **Chọn A.**

## Câu 2.

## Phương pháp:

- Xem lại cách viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân.
- Áp dụng cách chuyển đổi:  $1\text{m} = 100\text{cm}$  hay  $1\text{cm} = \frac{1}{100}\text{m} = 0,01\text{m}$ .

## Cách giải:

Ta có:  $3\text{m } 8\text{cm} = 3\frac{8}{100}\text{m} = 3,08\text{m}$ . **Chọn C.**

## Câu 3.

## Phương pháp:

25% của một số là 438. Muốn tìm số đó ta lấy 438 chia cho 25 rồi nhân với 100 hoặc lấy 438 nhân với 100 rồi chia cho 25.

## Cách giải:

Số cần tìm là  $438 : 25 \times 100 = 1752$ . **Chọn B.**

## Câu 4.

## Phương pháp:

Muốn viết phân số  $\frac{1}{2}$  dưới dạng tỉ số phần trăm ta viết  $\frac{1}{2} = 0,5$ , sau đó nhân 0,5 với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

**Cách giải:** Ta có:  $\frac{1}{2} = 0,5 = 50\%$ . **Chọn D.**

## Câu 5.

## Phương pháp:

Muốn tìm tỉ số phần trăm số học sinh nữ và số học sinh cả lớp ta tìm thương của số học sinh nữ và số học sinh cả lớp, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.



**Cách giải:**

Số học sinh nữ chiếm số phần trăm của lớp học đó là:

$$13 : 25 = 0,52 = 52\%$$

Đáp số: 52%.

**Chọn C.**

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Từ cách tính diện tích hình tam giác ta suy ra, muốn tính chiều cao ta lấy 2 lần diện tích chia cho độ dài đáy tương ứng.

**Cách giải:**

Chiều cao của bồn hoa đó là:

$$18 \times 2 : 7,5 = 4,8 \text{ (m)}$$

Đáp số: 4,8m.

**Chọn B.**

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Bài 1.**

**Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 926,83 \\ + 549,7 \\ \hline 1476,53 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 987,054 \\ - 456,18 \\ \hline 530,874 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12,6 \\ \times 7,3 \\ \hline 378 \\ 882 \\ \hline 91,98 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9,60 \quad | \quad 1,25 \\ \times 850 \quad | \quad 7,68 \\ \hline 1000 \\ 0 \end{array}$$

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

- Tính giá trị vế phải trước.
- Áp dụng các quy tắc:
  - + Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.
  - + Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

**Cách giải:**

a)  $2,4 : x = 16 : 10$

$2,4 : x = 1,6$

$x = 1,5$

b)  $x \times 3,5 = 104,92 - 47,52$

$x \times 3,5 = 57,4$

$x = 57,4 : 3,5$

$x = 16,4$

**Bài 3.****Phương pháp:**

- Tính chiều rộng ta lấy chiều dài nhân với  $\frac{1}{2}$

- Tính diện tích ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

- Tính diện tích phần đất đào ao ta lấy diện tích mảnh đất chia cho 100 rồi nhân với 25 hoặc lấy diện tích mảnh đất nhân với 25 rồi chia cho 100.

**Cách giải:**

Chiều rộng mảnh đất là:

$$48 \times \frac{1}{2} = 24 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất là:

$$48 \times 24 = 1152 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần đất đào ao là:

$$1152 : 100 \times 25 = 288 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 288m<sup>2</sup>.

**Bài 4.****Phương pháp:**

Nếu chuyển dịch dấu phẩy của số phải tìm sang bên trái một chữ số ta được số mới giảm đi 10 lần.

Tìm số phải tìm theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Nếu chuyển dịch dấu phẩy của số phải tìm sang bên trái một chữ số ta được số mới giảm đi 10 lần.

Coi số mới gồm 1 phần thì số phải tìm gồm 10 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là:

$$10 + 1 = 11 \text{ (phần)}$$

Số phải tìm là:

$$19,25 : 11 \times 10 = 17,5$$

Đáp số: 17,5.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 6**

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Khoanh vào chữ số đặt trước câu trả lời đúng:

So sánh  $3\frac{2}{5}$  và  $3\frac{4}{10}$ :

A.  $3\frac{2}{5} < 3\frac{4}{10}$

B.  $3\frac{2}{5} > 3\frac{4}{10}$

C.  $3\frac{2}{5} = 3\frac{4}{10}$

**Câu 2.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)  $2\text{m } 45\text{mm} = 2\frac{45}{100}\text{ m}$  .....

b)  $2\text{m } 45\text{mm} = 2\frac{45}{1000}\text{ m}$  .....

c)  $8\text{km } 9\text{m} = 8\frac{9}{100}\text{ m}$  .....

d)  $8\text{km } 9\text{m} = 8\frac{9}{1000}\text{ km}$  .....

**Câu 3.** Nối số tự nhiên với phân số để được hỗn số:

3

5

7

$\frac{3}{4}$

$\frac{4}{3}$

$\frac{5}{4}$

$\frac{4}{5}$

$\frac{3}{8}$

$\frac{8}{3}$

**Câu 4.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a)  $5\frac{3}{4} = ?$

A.  $\frac{15}{4}$

B.  $\frac{20}{4}$

C.  $\frac{23}{4}$

b)  $\frac{38}{3} = ?$

A.  $12\frac{1}{3}$

B.  $12\frac{2}{3}$

C.  $12\frac{3}{4}$

**Câu 5.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)  $1\frac{3}{4}\text{ tấn} < 10\frac{3}{4}\text{ tạ}$  .....

b)  $1\frac{3}{4}$  tấn =  $10\frac{3}{4}$  tạ .....  
 c)  $1\frac{3}{4}$  tấn >  $10\frac{3}{4}$  tạ .....

**Câu 6.** Tính bằng cách hợp lí nhất:

a)  $1\frac{1}{3} \times 1\frac{1}{4} \times 1\frac{1}{5} \times 1\frac{1}{6} \times 1\frac{1}{7} \times 1\frac{1}{8} =$

.....  
 .....  
 .....

b)  $1\frac{1}{3} : 1\frac{1}{4} : 1\frac{1}{5} : 1\frac{1}{6} : 1\frac{1}{7} : 1\frac{1}{8} =$

.....  
 .....  
 .....

**Câu 7.** Có hai vòi nước cùng chảy vào một bể không chứa nước. Nếu vòi thứ nhất chảy riêng thì sau 9h sẽ đầy bể. Nếu vòi thứ hai chảy riêng thì sau 6 giờ sẽ đầy bể.

Hỏi hai vòi cùng chảy lúc 8 giờ 24 phút thì đến mấy giờ đầy nước?

.....  
 .....  
 .....

**Câu 8.** Tìm a biết a là số tự nhiên:

$$\left(\frac{6}{7} + \frac{1}{4}\right) : \left(\frac{19}{14} - \frac{1}{4}\right) < a < \frac{7}{3}$$

.....  
 .....  
 .....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 6

**Câu 1.****Phương pháp:**

Chuyển hỗn số thành phân số rồi so sánh hai phân số như thông thường.

**Cách giải:**

$$\text{Ta có } 3\frac{2}{5} = \frac{17}{5}; \quad 3\frac{4}{10} = \frac{34}{10} = \frac{17}{5}$$

$$\text{Mà } \frac{17}{5} = \frac{17}{5}$$

$$\text{Vậy } 3\frac{2}{5} = 3\frac{4}{10}$$

Chọn C.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo độ dài:

$$1 \text{ km} = 1000 \text{ m hay } 1 \text{ m} = \frac{1}{1000} \text{ km}$$

$$1 \text{ m} = 1000 \text{ mm hay } 1 \text{ mm} = \frac{1}{1000} \text{ m}$$

**Cách giải:**

$$+) 2 \text{ m } 45 \text{ mm} = 2\frac{45}{1000} \text{ m}$$

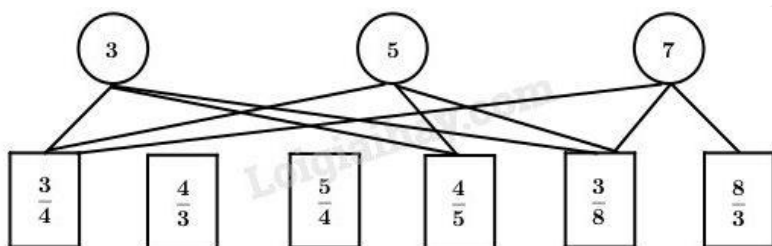
$$+) 8 \text{ km } 9 \text{ m} = 8\frac{9}{1000} \text{ km}$$

Vậy ta có đáp án như sau:

- a) S;      b) Đ;      c) S;      d) Đ.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Dựa vào tính chất: Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.

**Cách giải:**

**Câu 4.****Phương pháp:**

\*) Có thể viết hỗn số thành một phân số có:

- Tử số bằng phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số ở phần phân số.
- Mẫu số bằng mẫu số ở phần phân số.

\*) Để viết phân số dưới dạng hỗn số ta lấy tử số chia cho mẫu số, thương trong phép chia chính là phần nguyên, phần phân số có tử số là số dư còn mẫu số là mẫu số của phân số ban đầu.

**Cách giải:**

$$a) 5\frac{3}{4} = \frac{5 \times 4 + 3}{4} = \frac{23}{4}$$

Chọn C

$$b) \text{Ta có } 38 : 3 = 12 \text{ dư } 2 \text{ nên } \frac{38}{3} = 12\frac{2}{3}$$

Chọn B.

**Câu 5.****Phương pháp:**

- Đổi hai số đo về cùng đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.
- Áp dụng cách đổi:  $1 \text{ tấn} = \frac{1}{10} \text{ tạ}$

**Cách giải:**

Ta có:

$$1\frac{3}{4} \text{ tấn} = \frac{7}{4} \text{ tấn} = \frac{70}{4} \text{ tạ}$$

$$10\frac{3}{4} \text{ tạ} = \frac{43}{4} \text{ tạ}$$

$$\text{Mà } \frac{70}{4} \text{ tạ} > \frac{43}{4} \text{ tạ}$$

$$\text{Hay } 1\frac{3}{4} \text{ tấn} > 10\frac{3}{4} \text{ tạ}$$

Vậy ta có đáp án như sau:

- a) S;                      b) S;                      c) Đ.

**Câu 6.****Phương pháp:**

Đổi hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính với các phân số như thông thường.

**Cách giải:**

$$a) 1\frac{1}{3} \times 1\frac{1}{4} \times 1\frac{1}{5} \times 1\frac{1}{6} \times 1\frac{1}{7} \times 1\frac{1}{8}$$

$$= \frac{4}{3} \times \frac{5}{4} \times \frac{6}{5} \times \frac{7}{6} \times \frac{8}{7} \times \frac{9}{8}$$

$$= \frac{4 \times 5 \times 6 \times 7 \times 8 \times 9}{3 \times 4 \times 5 \times 6 \times 7 \times 8}$$

$$= \frac{9}{3} = 3$$

$$b) 1\frac{1}{3} : 1\frac{1}{4} : 1\frac{1}{5} : 1\frac{1}{6} : 1\frac{1}{7} : 1\frac{1}{8}$$

$$= \frac{4}{3} : \frac{5}{4} : \frac{6}{5} : \frac{7}{6} : \frac{8}{7} : \frac{9}{8}$$

$$= \frac{4}{3} \times \frac{4}{5} \times \frac{5}{6} \times \frac{6}{7} \times \frac{7}{8} \times \frac{8}{9}$$

$$= \frac{4 \times 4 \times 5 \times 6 \times 7 \times 8}{3 \times 5 \times 6 \times 7 \times 8 \times 9}$$

$$= \frac{4 \times 4}{3 \times 9} = \frac{16}{27}$$

### Câu 7.

#### Phương pháp:

- Coi cả bể nước là 1 đơn vị.
- Tìm số phần bể nước vòi thứ nhất hoặc vòi thứ hai chảy được trong 1 giờ ta lấy 1 chia cho số giờ để vòi thứ nhất hoặc vòi thứ hai chảy đầy bể.
- Tính tổng số phần bể nước vòi thứ nhất và vòi thứ hai chảy được trong 1 giờ.
- Tìm số giờ để bể đầy nước nếu hai vòi cùng chảy ta lấy 1 chia cho tổng số phần bể nước vòi thứ nhất và vòi thứ hai chảy được trong 1 giờ.
- Tìm thời gian lúc bể đầy nước ta lấy thời gian lúc hai vòi bắt đầu chảy vào bể cộng với thời gian hai vòi chảy đầy bể

#### Cách giải:

Trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy được số phần bể nước là:

$$1:9 = \frac{1}{9} \text{ (bể)}$$

Trong 1 giờ vòi thứ hai chảy được số phần bể nước là:

$$1:6 = \frac{1}{6} \text{ (bể)}$$

Trong 1 giờ cả hai vòi chảy được số phần bể nước là:

$$\frac{1}{6} + \frac{1}{9} = \frac{5}{18} \text{ (bể)}$$

Thời gian hai vòi chảy đầy bể là:

$$1 : \frac{5}{18} = \frac{18}{5} \text{ (giờ)}$$

$$\frac{18}{5} \text{ giờ} = 3 \text{ giờ } 36 \text{ phút}$$

Bể đầy nước lúc:

$$8 \text{ giờ } 24 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 36 \text{ phút} = 12 \text{ giờ}$$

Đáp số: 12 giờ

### Câu 8.

#### Phương pháp:

- Tính giá trị ở vế trái rồi từ đó tìm số tự nhiên thích hợp.
- Biểu thức có dấu ngoặc thì ta tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

#### Cách giải:

Ta có:

$$\begin{aligned} & \left( \frac{6}{7} + \frac{1}{4} \right) : \left( \frac{19}{14} - \frac{1}{4} \right) \\ &= \frac{31}{28} : \frac{31}{28} \\ &= 1 \end{aligned}$$

Do đó ta có  $1 < a < \frac{7}{3}$

Vì a là số tự nhiên nên  $a = 2$ .



Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 7****Môn: Toán – Lớp 5***Thời gian làm bài: 40 phút***Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Tổng của hai số là 376. Số thứ hai bằng  $\frac{3}{5}$  số thứ nhất. Tìm hai số đó.

a) Số thứ nhất là 141

Số thứ hai là 235

b) Số thứ nhất là 235

Số thứ hai là 141

**Câu 2.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Hiệu hai số là 240. Tỉ số giữa hai số là  $\frac{7}{12}$ . Tìm hai số đó.

A. 330 và 570

B. 336 và 576

C. 348 và 588

**Câu 3.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Một ô tô đi trong 5 giờ được 225km. Hỏi ô tô đó đi trong 8 giờ được bao nhiêu ki-lô-mét?

a) 320km

b) 345km

c) 360km

**Câu 4.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Một tổ công nhân có 4 người làm xong một công việc trong 12 ngày. Nếu chỉ có 3 người thì làm xong công việc đó trong mấy ngày? (năng suất làm của mọi người như nhau và không thay đổi).

a) 200 ngày

b) 18 ngày

c) 16 ngày

**Câu 5.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 120m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó.

A. 800m<sup>2</sup>

B.  $864 \text{ m}^2$

C.  $3456 \text{ m}^2$

**Câu 6.** Mẹ cho hai anh em 40 cái kẹo. Số kẹo của em gấp rưỡi số kẹo của anh. Hỏi mẹ cho mỗi người bao nhiêu cái kẹo?

.....

.....

.....

.....

**Câu 7.** Dùng một số tiền để mua gạo tẻ với giá 6000 đồng/1kg thì mua được 30kg. Với số tiền đó mua gạo nếp với giá 900 đồng/1kg thì được bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

**Câu 8.** Mua 5m vải hết 120 000 đồng. Hỏi mua 15m vải như thế hết bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

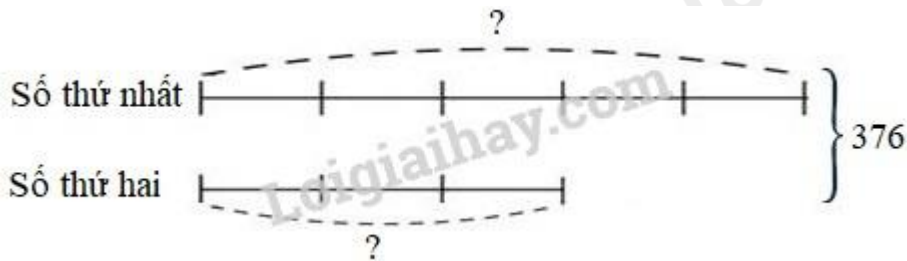
## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 7

**Câu 1.****Phương pháp:**

Tìm hai số theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Số thứ nhất là:

$$376 : 8 \times 5 = 235$$

Số thứ hai là:

$$376 - 235 = 141$$

Đáp số: Số thứ nhất: 235

Số thứ hai: 141

Vậy ta có kết quả như sau:

a) S;

b) Đ

**Câu 2.****Phương pháp:**

Tìm hai số theo dạng toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Tỉ số giữa hai số là  $\frac{7}{12}$  nên nếu coi số bé gồm 7 phần bằng nhau thì số lớn gồm 12 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$12 - 7 = 5 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$240 : 5 \times 7 = 336$$

Số lớn là:

$$336 + 240 = 576$$

Đáp số: Số bé: 336

Chọn B.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Có thể giải bằng phương pháp rút về đơn vị:

- Tìm số ki-lô-mét ô tô đi được trong 1 giờ ta lấy số ki-lô-mét ô tô đi được trong 5 giờ chia cho 5
- Tìm số ki-lô-mét ô tô đi được trong 8 giờ ta lấy số ki-lô-mét ô tô đi được trong 1 giờ nhân với 8

**Cách giải:**

Trong 1 giờ ô tô đi được số ki-lô-mét là:

$$225 : 5 = 45 \text{ (km)}$$

Trong 1 giờ ô tô đi được số ki-lô-mét là:

$$45 \times 8 = 360 \text{ (km)}$$

Đáp số: 360km

Vậy ta có kết quả như sau:

- a) S;                      b) S;                      c) Đ.

**Câu 4.****Phương pháp:**

Càng có ít người thì số ngày hoàn thành công việc càng nhiều. Đây là bài toán về quan hệ tỉ lệ.

Để giải bài toán về quan hệ tỉ lệ, ta có thể dùng phương pháp "rút về đơn vị" hoặc phương pháp "tìm tỉ số".

**Cách giải:**

1 người làm xong công việc đó trong số ngày là:

$$12 \times 4 = 48 \text{ (ngày)}$$

Nếu chỉ có 3 người thì làm xong công việc đó trong số ngày là:

$$48 : 3 = 16 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 16 ngày

Vậy ta có kết quả như sau: a) S;      b) S;      c) Đ.

**Câu 5.****Phương pháp:**

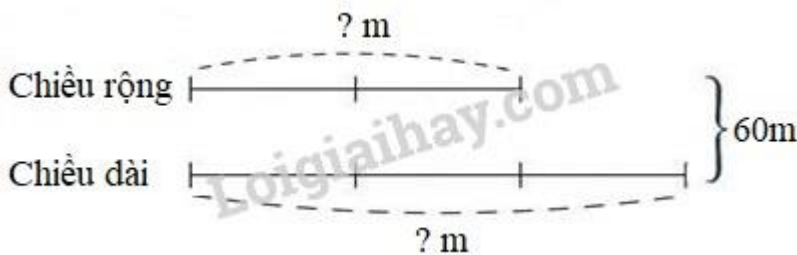
- Tính nửa chu vi = chu vi : 2
- Tìm chiều dài, chiều rộng theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Tính diện tích = chiều dài x chiều rộng.

**Cách giải:**

Nửa chu vi mảnh vườn đó là:

$$120 : 2 = 60 \text{ (m)}$$

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng mảnh vườn đó là:

$$60 : 5 \times 2 = 24 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh vườn đó là:

$$60 - 24 = 36 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn đó là:

$$36 \times 24 = 864 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 864 m<sup>2</sup>

Chọn B.

### Câu 6.

#### Phương pháp:

- Số kẹo của em gấp rưỡi số kẹo của anh tức là số kẹo của em bằng  $\frac{3}{2}$  số kẹo của anh.
- Tìm số kẹo của mỗi người theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

#### Cách giải:

Số kẹo của em gấp rưỡi số kẹo của anh tức là số kẹo của em bằng  $\frac{3}{2}$  số kẹo của anh.

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 2 = 5 \text{ (phần)}$$

Số kẹo của em là:

$$40 : 5 \times 3 = 24 \text{ (cái)}$$

Số kẹo của anh là :

$$40 - 24 = 16 \text{ (cái)}$$

Đáp số: Em: 24 cái

Anh: 16 cái.

### Câu 7.

#### Phương pháp:

- Tìm tổng số tiền ta lấy giá tiền mua 1kg gạo tẻ nhân với số ki-lô-gam gạo tẻ.
- Tìm số ki-lô-gam gạo nếp mua được ta lấy tổng số tiền chia cho giá tiền mua 1kg gạo nếp.

#### Cách giải:

Có tổng số tiền là:

$$6000 \times 30 = 180\ 000 \text{ (đồng)}$$

Mua được số ki-lô-gam gạo nếp là:

$$180\ 000 : 9000 = 20 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 20 kg

### Câu 8.

#### Phương pháp:

Để giải bài toán về quan hệ tỉ lệ, ta có thể dùng phương pháp "rút về đơn vị" hoặc phương pháp "tìm tỉ số".

#### Cách giải:

##### Cách 1 (Rút về đơn vị):

Mua 1m vải hết số tiền là:

$$120\ 000 : 5 = 24\ 000 \text{ (đồng)}$$

Mua 15 m vải hết số tiền là:

$$24\ 000 \times 15 = 360\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 360 000 đồng.

##### Cách 2 (Tìm tỉ số):

15m vải gấp 5m vải số lần là:

$$15 : 5 = 3 \text{ (lần)}$$

Mua 15m vải hết số tiền là:

$$120\ 000 \times 3 = 360\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 360 000 đồng.

Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 8**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Tổng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Tìm hai số đó biết nếu viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé thì được số lớn.

A. 10 và 90

B. 9 và 99

C. 9 và 90.

**Câu 2.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng  $\frac{2}{5}$  chiều dài. Nếu chiều rộng tăng thêm 9m, chiều dài bớt đi 9m thì mảnh đất trở thành hình vuông.

Tính diện tích mảnh đất đó.

A.  $300m^2$ B.  $360m^2$ C.  $420m^2$ **Câu 3.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một người đi xe máy trong 16 phút được 9km 600m. Hỏi với mức đi như thế trong  $5\frac{1}{3}$  giờ thì người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

a) 108km .....

b) 150km .....

c) 192km .....

**Câu 4.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

18 người làm xong một đoạn đường mất 5 ngày. Hỏi 30 người làm xong đoạn đường đó trong bao nhiêu ngày? (Biết sức làm việc của mỗi người là như nhau).

A. 2 ngày

B. 3 ngày

C. 4 ngày

**Câu 5.** Tổng số tuổi hiện nay của hai mẹ con là 36 tuổi. Tuổi con bằng  $\frac{2}{7}$  tuổi mẹ. Hỏi:

a) Hiện nay mỗi người bao nhiêu tuổi?

b) Mấy năm sau tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con?

.....  
 .....

.....  
.....  
.....  
.....  
**Câu 6.** 6 người thợ trong 4 giờ quét vôi trên tường được  $120\text{m}^2$ . Hỏi 8 người thợ quét vôi trong mấy giờ thì được  $200\text{m}^2$ . Biết năng suất làm việc của mỗi người như nhau.



## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 8

**Câu 1.****Phương pháp:**

- Tìm tổng của hai số: số lớn nhất có hai chữ số là 99
- Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé thì được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé.
- Tìm hai số theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Số lớn nhất có hai chữ số là 99 nên tổng của hai số là 99

Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé thì được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé, tức là nếu coi số bé gồm 1 phần thì số lớn gồm 10 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là  $1 + 10 = 11$  (phần)

Số bé là  $99 : 11 = 9$

Số lớn là  $99 - 9 = 90$

Đáp số: Số bé: 9

Số lớn: 90

Chọn C.

**Câu 2.****Phương pháp:**

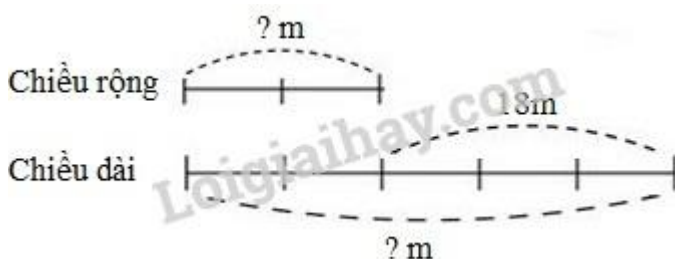
- Tìm hiệu giữa chiều dài và chiều rộng: nếu chiều rộng tăng thêm 9m, chiều dài bớt đi 9m thì mảnh đất trở thành hình vuông nên hiệu giữa chiều dài và chiều rộng là:  $9 + 9 = 18$ m
- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
- Tìm diện tích = chiều dài x chiều rộng.

**Cách giải:**

Nếu chiều rộng tăng thêm 9m, chiều dài bớt đi 9m thì mảnh đất trở thành hình vuông nên hiệu giữa chiều dài và chiều rộng là:

$$9 + 9 = 18 \text{ (m)}$$

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng mảnh đất đó là:

$$18: 3 \times 2 = 12 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh đất đó là:

$$12 + 18 = 30 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất đó là:

$$30 \times 12 = 360 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 360m<sup>2</sup>

Chọn B.

### Câu 3.

**Phương pháp:**

- Đổi: 16 phút =  $\frac{16}{60}$  giờ =  $\frac{4}{15}$  giờ

$$9\text{km } 600\text{m} = 9\frac{600}{1000} \text{ km} = 9\frac{3}{5} \text{ km} = \frac{48}{5} \text{ km}$$

$$5\frac{1}{3} \text{ giờ} = \frac{16}{3} \text{ giờ}$$

- Tìm số ki-lô-mét người đó đi được trong 1 giờ ta lấy  $\frac{48}{5}$  chia cho  $\frac{4}{15}$

- Tìm số ki-lô-mét người đó đi được trong  $5\frac{1}{3}$  giờ ta lấy số ki-lô-mét người đó đi được trong 1 giờ nhân với  $5\frac{1}{3}$

**Cách giải:**

- Đổi: 16 phút =  $\frac{16}{60}$  giờ =  $\frac{4}{15}$  giờ

$$9\text{km } 600\text{m} = 9\frac{600}{1000} \text{ km} = 9\frac{3}{5} \text{ km} = \frac{48}{5} \text{ km}$$

$$5\frac{1}{3} \text{ giờ} = \frac{16}{3} \text{ giờ}$$

Trong 1 giờ người đó đi được số ki-lô-mét là:

$$\frac{48}{5} : \frac{4}{15} = 36 \text{ (km)}$$

Trong  $\frac{16}{3}$  giờ (hay  $5\frac{1}{3}$  giờ) người đó đi được số ki-lô-mét là:

$$36 \times \frac{16}{3} = 192 \text{ (km)}$$

Đáp số: 192km

a) S;    b) S;    c) Đ.

#### Câu 4.

##### Phương pháp:

Càng có nhiều người thì số ngày làm xong đoạn đường đó càng ít. Đây là bài toán về quan hệ tỉ lệ. Để giải bài toán về quan hệ tỉ lệ, ta có thể dùng phương pháp "rút về đơn vị" hoặc phương pháp "tìm tỉ số".

##### Cách giải:

(Phương pháp rút về đơn vị)

1 người làm xong đoạn đường đó trong số ngày là:

$$5 \times 18 = 90 \text{ (ngày)}$$

30 người làm xong đoạn đường đó trong số ngày là:

$$90 : 30 = 3 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 3 ngày

Chọn B.

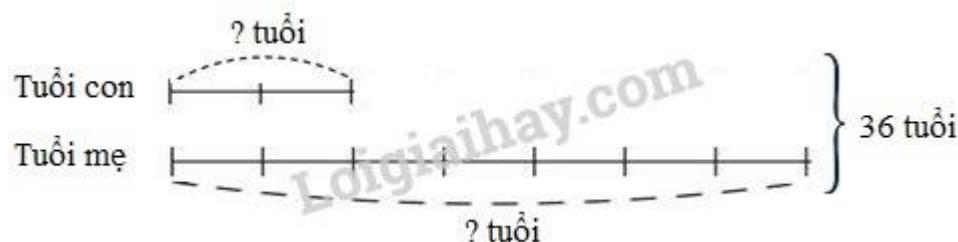
#### Câu 5.

##### Phương pháp:

- Tìm tuổi của mỗi người theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số.
- Dựa vào nhận xét: Mỗi năm mỗi người tăng 1 tuổi nên hiệu số tuổi hai mẹ con không thay đổi.

##### Cách giải:

a) Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 7 = 9 \text{ (phần)}$$

Tuổi mẹ hiện nay là:

$$4 \times 7 = 28 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi con hiện nay là:

$$4 \times 2 = 8 \text{ (tuổi)}$$

b) Mẹ hơn con số tuổi là:

$$28 - 8 = 20 \text{ (tuổi)}$$

Mỗi năm mỗi người tăng 1 tuổi nên hiệu số tuổi hai mẹ con không thay đổi. Vậy khi tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con, mẹ vẫn hơn con 20 tuổi.

Coi tuổi con khi đó gồm 1 phần thì tuổi mẹ khi đó gồm 3 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$3 - 1 = 2 \text{ (phần)}$$

Tuổi con khi đó là:

$$20 : 2 \times 1 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Số năm sau để tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con là:

$$10 - 8 = 2 \text{ (năm)}$$

Đáp số: a) Mẹ: 28 tuổi; con: 8 tuổi.

b) 2 năm.

### Câu 6.

#### Phương pháp:

- Tính số mét vuông tường 6 người thợ quét được trong 1 giờ ta lấy số mét vuông tường 6 người thợ quét được trong 4 giờ chia cho 4
- Tính số mét vuông tường 1 người thợ quét được trong 1 giờ ta lấy số mét vuông tường 6 người thợ quét được trong 1 giờ chia cho 6
- Tính số mét vuông tường 8 người thợ quét được trong 1 giờ ta lấy số mét vuông tường 1 người thợ quét được trong 1 giờ nhân với 8.
- Tính số giờ để 8 người thợ quét được  $200\text{m}^2$  ta lấy 200 chia cho số mét vuông tường 8 người thợ quét được trong 1 giờ.

#### Cách giải:

Trong 1 giờ, 6 người thợ quét được số mét vuông tường là:

$$120 : 4 = 30 \text{ (m}^2\text{)}$$

Trong 1 giờ, 1 người thợ quét được số mét vuông tường là:

$$30 : 6 = 5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Trong 1 giờ, 8 người quét được số mét vuông tường là:

$$5 \times 8 = 40 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy 8 người thợ quét  $200 \text{ m}^2$  hết số giờ là:

$$200 : 40 = 5 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 5 giờ.

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 9****Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$350\text{m} = \dots\dots\dots \text{cm}.$

- A. 3500                      B. 35 000                      C. 350 000

**Câu 2.** Điền dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  vào chỗ chấm:

a)  $260 \text{ m} \dots\dots\dots \frac{1}{4} \text{ km}$

b)  $2\text{km } 5\text{m} \dots\dots\dots 2005 \text{ m}$

c)  $430 \text{ m} \dots\dots\dots 4\text{hm } 3\text{m}$

d)  $\frac{2}{5} \text{ km} \dots\dots\dots 420 \text{ m}$

**Câu 3.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  $50000\text{kg} = \dots\dots\dots$  tấn

a)  $5000 \square$     b)  $500 \square$

c)  $50 \square$     d)  $5 \square$

**Câu 4.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:Một cửa hàng bán ngày thứ nhất được 4 tạ 5kg gạo. Ngày thứ hai bán bằng  $\frac{3}{5}$  ngày thứ nhất.

Hỏi cả hai ngày bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 540kg                      B. 620kg                      C. 648kg

**Câu 5.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Tính:  $4\text{km } 7\text{m} + 124\text{m} - 2\text{km } 95\text{m} = ?$

$2\text{km } 36\text{m} \square$

$2\text{km } 540\text{m} \square$

$2\text{km } 450\text{m} \square$

b) Tính:  $13\text{kg } 25\text{g} - 7\text{kg } 30\text{g} + 495\text{g} = ?$

$6\text{kg } 49\text{g} \square$

$6\text{kg } 490\text{g} \square$

$6\text{kg } 940\text{g} \square$

**Câu 6.** Xe tải thứ nhất chở được 3 tấn 260kg rau xanh. Xe tải thứ hai chở được ít hơn xe tải thứ nhất 120kg nhưng lại nhiều hơn xe tải thứ ba 540kg. Hỏi trung bình mỗi xe chở được mấy tấn rau xanh?

**Câu 7.** Ba đội công nhân phải sửa một đoạn đường dài 8km 460m. Đội một sửa được  $\frac{2}{9}$  đoạn

đường. Đội hai sửa được số mét bằng  $\frac{5}{4}$  số mét đội một sửa được. Số mét còn lại đội ba sửa. Hỏi mỗi đội sửa được bao nhiêu mét đường?

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 9

**Câu 1:****Phương pháp:**

Dựa vào cách đổi:  $1\text{m} = 100\text{cm}$

**Cách giải:**

Ta có  $1\text{m} = 100\text{cm}$  nên  $350\text{m} = 35000\text{cm}$ . **Chọn B.**

**Câu 2.****Phương pháp:**

Đổi các số đo về cùng một đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.

**Cách giải:**

$$\text{a) } \frac{1}{4} \text{ km} = 1000\text{m} \times \frac{1}{4} = 250 \text{ m}$$

Mà  $260 \text{ m} > 250 \text{ m}$

$$\text{Vậy } 260 \text{ m} > \frac{1}{4} \text{ km}$$

$$\text{b) } 2\text{km } 5\text{m} = 2005 \text{ m}$$

$$\text{c) } 4\text{hm } 3\text{m} = 403 \text{ m}$$

Mà  $430 \text{ m} > 403 \text{ m}$

Vậy  $430 \text{ m} > 4\text{hm } 3\text{m}$

$$\text{d) } \frac{2}{5} \text{ km} = 1000\text{m} \times \frac{2}{5} = 400\text{m}$$

Mà  $400 \text{ m} < 420 \text{ m}$

$$\text{Vậy } \frac{2}{5} \text{ km} < 420\text{m}$$

**Câu 3.****Phương pháp:**

Dựa vào cách đổi:  $1 \text{ tấn} = 1000\text{kg}$

**Cách giải:**

$$50000\text{kg} = 50 \text{ tấn.}$$

Ta có kết quả như sau:

$$\text{a) S; } \qquad \qquad \qquad \text{b) S;}$$

$$\text{c) Đ; } \qquad \qquad \qquad \text{d) S.}$$

**Câu 4.****Phương pháp:**

- Đổi  $4 \text{ tạ } 5\text{kg} = 405\text{kg}$

- Tính số gạo bán ngày thứ hai ta lấy số gạo bán ngày thứ nhất nhân với  $\frac{3}{5}$
- Tính số gạo bán được trong hai ngày ta lấy số gạo bán ngày thứ nhất cộng với số gạo bán ngày thứ hai.

**Cách giải:**

Đổi 4 tạ 5kg = 405kg

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:

$$405 \times \frac{3}{5} = 243 \text{ (kg)}$$

Cả hai ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:

$$405 + 243 = 648 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 648kg

Chọn C.

**Câu 5.****Phương pháp:**

- Đổi các số đo về cùng một đơn vị đo rồi thực hiện tính giá trị biểu thức như thông thường.

Lưu ý rằng: 1km = 1000m ; 1kg = 1000g

- Biểu thức chỉ có phép cộng và phép trừ thì ta tính lần lượt từ trái sang phải.

**Cách giải:**

a)  $4\text{km } 7\text{m} + 124\text{m} - 2\text{km } 95\text{m}$

$$= 4007 \text{ m} + 124 \text{ m} - 2095 \text{ m}$$

$$= 4131 \text{ m} - 2095 \text{ m}$$

$$= 2036 \text{ m} = 2\text{km } 36\text{m}$$

b)  $13\text{kg } 25\text{g} - 7\text{kg } 30\text{g} + 495\text{g}$

$$= 13025 \text{ g} - 7030\text{g} + 495 \text{ g}$$

$$= 5995 \text{ g} + 495 \text{ g}$$

$$= 6490 \text{ g} = 6\text{kg } 490\text{g}$$

Vậy kết quả là: S; Đ; S.

**Câu 6.****Phương pháp:**

- Đổi 3 tấn 260kg = 3260kg
- Tìm số rau xe thứ hai chở được ta lấy số rau xe thứ nhất chở được trừ đi 120kg
- Tìm số rau xe thứ ba chở được ta lấy số rau xe thứ hai chở được cộng với 540kg
- Tìm số rau trung bình mỗi xe chở được ta lấy tổng số rau ba xe chở được chia cho 3.



- Đổi số đo vừa tìm được sang đơn vị tấn, lưu ý ta có 1 tấn = 1000kg

**Cách giải:**

Đổi: 3 tấn 260kg = 3260kg

Xe tải thứ nhất chở được số ki-lô-gam rau là:

$$3260 - 120 = 3140 \text{ (kg)}$$

Xe tải thứ hai chở được số ki-lô-gam rau là:

$$3140 - 540 = 2600 \text{ (kg)}$$

Cả ba xe chở được số ki-lô-gam rau là:

$$3260 + 3140 + 2600 = 9000 \text{ (kg)}$$

Trung bình mỗi xe chở được số ki-lô-gam rau là:

$$9000 : 3 = 3000 \text{ (kg)}$$

$$3000 \text{ kg} = 3 \text{ tấn}$$

Đáp số: 3 tấn

**Câu 7.**

**Phương pháp:**

- Đổi 8km 460m = 8460m

- Tính số mét đường đội một sửa được ta lấy độ dài đoạn đường nhân với  $\frac{2}{9}$

- Tính số mét đường đội hai sửa được ta lấy số mét đường đội một sửa được nhân với  $\frac{5}{4}$

- Tính số mét đường đội ba sửa được ta lấy độ dài đoạn đường trừ đi tổng số mét đường đội một và đội hai sửa được.

**Cách giải:**

Đổi 8km 460m = 8460m

Đội một sửa được số mét đường là:

$$8460 \times \frac{2}{9} = 1880 \text{ (m)}$$

Đội hai sửa được số mét đường là:

$$1880 \times \frac{5}{4} = 2350 \text{ (m)}$$

Đội ba sửa được số mét đường là:

$$8460 - (1880 + 2350) = 4230 \text{ (m)}$$

Đáp số: Đội 1: 1880m

Đội 2: 2350m

Đội 3: 4320m

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 10****Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:Điền dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  vào chỗ chấm:

a) 20km 5m ..... 20050m

20km 5m  $>$  20050m 20km 5m = 20050m 20km 5m  $<$  20050m 

b) 3kg 15g ..... 3015g

3kg 15g  $>$  3015g 3kg 15g = 3015g 3kg 15g  $<$  3015g **Câu 2.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:a) 3 tấn 25kg =  $3\frac{25}{100}$  tấn b) 3 tấn 25kg =  $3\frac{25}{1000}$  tấn c) 4km 8m =  $4\frac{8}{10}$  km d) 4km 8m =  $4\frac{8}{1000}$  km **Câu 3.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Con lợn nặng hơn con dê 24kg. Biết  $\frac{1}{3}$  con dê nặng bằng  $\frac{1}{5}$  con lợn. Hỏi cả hai con nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

**A.** 72kg**B.** 96kg**C.** 120kg

**Câu 4.** Bao thứ nhất có nhiều hơn bao thứ hai 40kg gạo. Sau khi mỗi bao bán đi 20kg gạo thì số gạo còn lại ở bao thứ hai bằng  $\frac{3}{5}$  số gạo ở bao thứ nhất.

Hỏi lúc đầu mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....

.....

**Câu 5.** Một bồn hoa hình tam giác. Tổng số đo cạnh thứ nhất và cạnh thứ hai là  $2\frac{4}{5}$  m. Tổng số đo cạnh thứ hai và cạnh thứ ba là  $\frac{18}{5}$  m. Tổng số đo cạnh thứ ba và cạnh thứ nhất là  $3\frac{2}{10}$  m. Tính số đo mỗi cạnh của bồn hoa.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 10

**Câu 1.****Phương pháp:**

Đổi các số đo về cùng một đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.

Lưu ý cách chuyển đổi:  $1\text{km} = 1000\text{m}$  ;  $1\text{kg} = 1000\text{g}$

**Cách giải:**

$$\text{a) } 20\text{km } 5\text{m} = 20\text{km} + 5\text{m} = 20000\text{m} + 5\text{m} = 20005\text{m}$$

$$\text{Mà } 20005\text{m} < 20050\text{m}$$

$$\text{Vậy: } 20\text{km } 5\text{m} < 20050\text{m}$$

Ta có kết quả là: S; S; Đ.

$$\text{b) } 3\text{kg } 15\text{g} = 3015\text{g}$$

Ta có kết quả là: S; Đ; S.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$\text{+) } 1\text{tấn} = 1000\text{kg, hay } 1\text{kg} = \frac{1}{1000}\text{ tấn.}$$

$$\text{+) } 1\text{km} = 1000\text{m hay } 1\text{m} = \frac{1}{1000}\text{ km}$$

**Cách giải:**

$$3\text{tấn } 25\text{ kg} = 3\frac{25}{1000}\text{ tấn}$$

$$4\text{km } 8\text{m} = 4\frac{8}{1000}\text{ km}$$

Vậy ta có kết quả như sau:

a) S ; b) Đ ;

c) S ; d) Đ.

**Câu 3.****Phương pháp:**

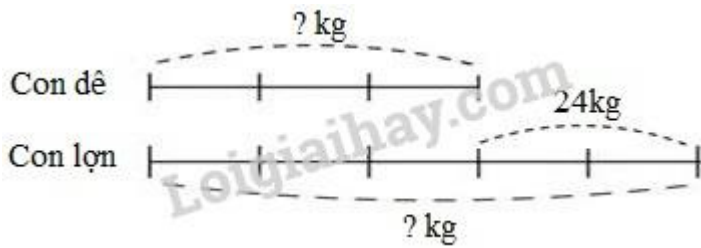
- Vì  $\frac{1}{3}$  con dê nặng bằng  $\frac{1}{5}$  con lợn nên nếu coi cân nặng của con dê gồm 3 phần bằng nhau thì cân nặng của con lợn gồm 5 phần như thế.

- Tìm cân nặng của mỗi con theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Vì  $\frac{1}{3}$  con dê nặng bằng  $\frac{1}{5}$  con lợn nên nếu coi cân nặng của con dê gồm 3 phần bằng nhau thì cân nặng của con lợn gồm 5 phần như thế.

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Con dê cân nặng số ki-lô-gam là:

$$24 : 2 \times 3 = 36 \text{ (kg)}$$

Con lợn cân nặng số ki-lô-gam là:

$$36 + 24 = 60 \text{ (kg)}$$

Cả hai con cân nặng số ki-lô-gam là:

$$36 + 60 = 96 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 96kg

Chọn B.

#### Câu 4.

##### Phương pháp:

- Nếu mỗi bao bán đi 20kg gạo thì hiệu số gạo hai bao không thay đổi và bằng 40kg
- Ta tìm số gạo còn lại của mỗi bao theo dạng toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
- Tìm số gạo lúc đầu đầu của mỗi bao ta lấy số gạo còn lại cộng với số gạo đã bán đi.

##### Cách giải:

Nếu mỗi bao bán đi 20kg gạo thì hiệu số gạo hai bao không thay đổi và bằng 40kg

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Sau khi bán đi 20kg, bao thứ hai còn lại số gạo là:

$$40 : 2 \times 3 = 60 \text{ (kg)}$$

Lúc đầu bao thứ hai có số ki-lô-gam gạo là:

$$60 + 20 = 80 \text{ (kg)}$$

Lúc đầu bao thứ nhất có số ki-lô-gam gạo là:

$$80 + 40 = 120 \text{ (kg)}$$

Đáp số: Bao thứ nhất: 120 kg

Bao thứ hai: 80kg

### Câu 5.

#### Phương pháp:

- Đổi các hỗn số về dạng phân số:
- Tìm tổng số đo ba cạnh của bồn hoa hay chu vi bồn hoa.
- Tìm số đo cạnh thứ nhất ta lấy chu vi bồn hoa trừ đi tổng số đo cạnh thứ hai và cạnh thứ ba.
- Tìm số đo cạnh thứ hai ta có thể lấy chu vi bồn hoa trừ đi tổng số đo cạnh thứ nhất và cạnh thứ ba.
- Tìm số đo cạnh thứ ba ta có thể lấy tổng số đo cạnh thứ hai và cạnh thứ ba trừ đi số đo cạnh thứ hai.

#### Cách giải:

2 lần tổng số đo ba cạnh của bồn hoa hay 2 lần chu vi bồn hoa là:

$$\frac{14}{5} + \frac{18}{5} + \frac{16}{5} = \frac{48}{5} \text{ (m)}$$

Tổng số đo ba cạnh của bồn hoa hay chu vi bồn hoa là:

$$\frac{48}{5} : 2 = \frac{24}{5} \text{ (m)}$$

Số đo cạnh thứ nhất là:

$$\frac{24}{5} - \frac{18}{5} = \frac{6}{5} \text{ (m)}$$

Số đo cạnh thứ hai là:

$$\frac{24}{5} - \frac{16}{5} = \frac{8}{5} \text{ (m)}$$

Số đo cạnh thứ ba là:

$$\frac{18}{5} - \frac{8}{5} = 2 \text{ (m)}$$

Đáp số: Cạnh thứ nhất:  $\frac{6}{5}$  m

Cạnh thứ hai:  $\frac{8}{5}$  m

Cạnh thứ ba: 2m

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 11****Môn: Toán – Lớp 5***Thời gian làm bài: 40 phút***Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $20 \text{ dam}^2 = 200 \text{ m}^2$

b)  $20 \text{ dam}^2 = 2000 \text{ m}^2$

c)  $12000 \text{ m}^2 = 120 \text{ km}^2$

d)  $12000 \text{ m}^2 = 12 \text{ km}^2$

**Câu 2.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $300 \text{ hm}^2 = 30000 \text{ dm}^2$

b)  $300 \text{ hm}^2 = 3000 \text{ dm}^2$

c)  $125000 \text{ dam}^2 = 125 \text{ hm}^2$

d)  $125000 \text{ dam}^2 = 1250 \text{ hm}^2$

**Câu 3.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $15000 \text{ mm}^2 = 1500 \text{ cm}^2$

b)  $15000 \text{ mm}^2 = 150 \text{ cm}^2$

c)  $42000 \text{ cm}^2 = 420 \text{ dm}^2$

d)  $42000 \text{ cm}^2 = 4200 \text{ dm}^2$

**Câu 4.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $8 \text{ m}^2 = \frac{8}{10} \text{ dam}^2$

b)  $8 \text{ m}^2 = \frac{8}{100} \text{ dam}^2$

c)  $4 \text{ hm}^2 5 \text{ dam}^2 = 4 \frac{5}{10} \text{ hm}^2$

d)  $4 \text{ hm}^2 5 \text{ dam}^2 = 4 \frac{5}{100} \text{ hm}^2$

e)  $7 \text{ cm}^2 16 \text{ mm}^2 = 7 \frac{16}{10} \text{ cm}^2$

g)  $7 \text{ cm}^2 16 \text{ mm}^2 = 7 \frac{16}{100} \text{ cm}^2$

**Câu 5.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 200m. Chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.

Hỏi khu đất có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- A. 3000ha
- B. 300ha
- C. 30ha
- D. 3ha

**Câu 6.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền số vào chỗ chấm:  $\frac{4}{5}$  ha = ..... m<sup>2</sup>

- A. 80
- B. 800
- C. 8000
- D. 80000

**Câu 7.** Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy là 5dam 4m. Chiều cao bằng  $\frac{5}{9}$  cạnh đáy.

Hỏi thửa ruộng đó có diện tích bao nhiêu đề-ca-mét vuông?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 8.** Một căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Người ra lát nền căn phòng đó bằng loại gạch vuông cạnh 3dm.

Hỏi căn phòng đó lát hết bao nhiêu viên gạch (diện tích phần mạch vữa không đáng kể).

.....

.....

.....

.....

.....



## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 11

**Câu 1.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 ; 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

**Cách giải:**

$$+) 1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 \text{ nên } 20 \text{ dam}^2 = 2000 \text{ m}^2$$

$$+) 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2 \text{ nên } 12 \text{ km}^2 = 12\,000\,000 \text{ m}^2$$

$$120 \text{ km}^2 = 120\,000\,000 \text{ m}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) S;      b) Đ;      c) S;      d) S.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1 \text{ hm}^2 = 100 \text{ dam}^2 ; 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

**Cách giải:**

$$+) 1 \text{ hm}^2 = 100 \text{ dam}^2 \text{ nên } 300 \text{ hm}^2 = 30000 \text{ dam}^2$$

$$+) \text{ Tính nhẩm } 125000 : 100 = 125 \text{ do đó } 125000 \text{ dam}^2 = 1250 \text{ hm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) Đ;      b) S;      c) S;      d) Đ.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:  $1 \text{ cm}^2 = 10000 \text{ mm}^2 ; 1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$

**Cách giải:**

$$+) \text{ Ta có } 1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

$$\text{Do đó } 15000 \text{ mm}^2 = 150 \text{ cm}^2$$

$$+) 1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2. \text{ Do đó } 42000 \text{ cm}^2 = 420 \text{ dm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) S;      b) Đ;      c) Đ;      d) S.

**Câu 4.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$+) 1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 \text{ hay } 1 \text{ m}^2 = \frac{1}{100} \text{ dam}^2$$

$$+) 1\text{hm}^2 = 100\text{dam}^2 \text{ hay } 1\text{dam}^2 = \frac{1}{100}\text{hm}^2$$

**Cách giải:**

$$8\text{m}^2 = \frac{8}{100}\text{dam}^2$$

$$4\text{hm}^2 5\text{dam}^2 = 4\frac{5}{100}\text{hm}^2$$

$$7\text{cm}^2 16\text{mm}^2 = 7\frac{16}{100}\text{cm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

- a) S;                      b) Đ;                      c) S;  
d) Đ;                      e) S;                      g) Đ.

**Câu 5.**

**Phương pháp:**

- Tính chiều rộng = chiều dài x  $\frac{3}{4}$

- Tính diện tích khu đất = chiều dài x chiều rộng.

- Đổi số đo diện tích sang đơn vị đo là héc-ta, lưu ý rằng 1 ha = 10000m<sup>2</sup>

**Cách giải:**

Chiều rộng là khu đất đó là:

$$200 \times \frac{3}{4} = 150 \text{ (m)}$$

Diện tích khu đất là:

$$200 \times 150 = 30000 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi } 30000 \text{ m}^2 = 3 \text{ ha}$$

Chọn D.

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Ta có 1ha = 10000m<sup>2</sup> nên để đổi số đo từ đơn vị ha sang đơn vị m<sup>2</sup> ta lấy 10000 nhân với số đó.

**Cách giải:**

$$\text{Ta có } 1\text{ha} = 10000\text{m}^2 \text{ nên } \frac{4}{5}\text{ha} = 8000\text{m}^2$$

Chọn C.

**Câu 7.**

**Phương pháp:**

- Đổi: 5dam 4m = 54m

- Tính chiều cao thửa ruộng = độ dài đáy  $\times \frac{5}{9}$

- Tính diện tích thửa ruộng = độ dài đáy  $\times$  chiều cao.

- Đổi số đo diện tích sang đơn vị đo là đề-ca-mét vuông, lưu ý rằng  $1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2$

### Cách giải:

Đổi: 5dam 4m = 54m

Chiều cao thửa ruộng đó là:

$$54 \times \frac{5}{9} = 30 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$54 \times 30 = 1620 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$1620 \text{ m}^2 = 16 \text{ dam}^2 20 \text{ m}^2$$

Đáp số: 16dam<sup>2</sup> 20m<sup>2</sup>

### Câu 8.

#### Phương pháp:

- Tính chiều dài = chiều rộng  $\times \frac{3}{2}$

- Tính diện tích căn phòng = chiều dài  $\times$  chiều rộng; sau đó đổi sang đơn vị đo là đề-xi-mét vuông.

- Tính diện tích một viên gạch vuông = cạnh  $\times$  cạnh.

- Tính số gạch cần dùng = diện tích căn phòng : diện tích một viên gạch vuông.

#### Cách giải:

Chiều dài gấp rưỡi chiều rộng tức là chiều dài bằng  $\frac{3}{2}$  chiều rộng.

Chiều dài căn phòng là:

$$6 \times \frac{3}{2} = 9 \text{ (m)}$$

Diện tích căn phòng đó là:

$$9 \times 6 = 54 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$54 \text{ m}^2 = 5400 \text{ dm}^2$$

Diện tích viên gạch để lát nền là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Số gạch dùng để lát căn phòng đó là :

$$5400 : 9 = 600 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 600 viên.

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 12****Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $8m^2 7dm^2 = 870dm^2$

b)  $8m^2 7dm^2 = 807dm^2$

c)  $6dm^2 6cm^2 = 606cm^2$

d)  $6dm^2 6cm^2 = 660cm^2$

e)  $15ha 3dam^2 = 15\frac{3}{10}ha$

g)  $15ha 3dam^2 = 15\frac{3}{100}ha$

**Câu 2.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:Viết phân số tối giản vào chỗ chấm:  $125m^2 = \dots\dots\dots ha$ 

a)  $\frac{1}{8} \square$

b)  $\frac{1}{80} \square$

c)  $\frac{1}{800} \square$

**Câu 3.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền hỗn số vào chỗ chấm:

$2hm^2 345m^2 = \dots\dots\dots dam^2$

A.  $23\frac{45}{100}$

B.  $234\frac{5}{100}$

C.  $203\frac{45}{100}$

D.  $230\frac{45}{100}$

**Câu 4.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:Điền dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  vào chỗ chấm:

$2ha 15m^2 \dots\dots\dots 20015m^2$

$2ha 15m^2 > 20015m^2 \square$

$2ha 15m^2 = 20015m^2 \square$

$2ha 15m^2 < 20015m^2 \square$

**Câu 5.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:Một khu an dưỡng có diện tích là  $2\frac{7}{10}ha$ , trong đó  $\frac{4}{9}$  là diện tích hồ nước. Hỏi diện tích còn lại là

bao nhiêu mét vuông?

A.  $8000\text{m}^2$ B.  $10000\text{m}^2$ C.  $12000\text{m}^2$ D.  $15000\text{m}^2$ 

**Câu 6.** Một hình thoi có diện tích là  $\frac{9}{25} \text{dm}^2$ . Có một đường chéo có độ dài là  $\frac{3}{50}$  m. Cạnh của hình thoi bằng  $\frac{4}{9}$  tổng số đo hai đường chéo. Hỏi chu vi hình thoi đó là bao nhiêu xăng-ti-mét?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 7.** Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 35m. Nếu mỗi chiều tăng thêm 5m thì diện tích tăng thêm là  $1450\text{m}^2$ . Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

.....

.....

.....

.....

.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 12

**Câu 1.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1m^2 = 100dm^2 ; 1dm^2 = 100cm^2$$

$$1ha = 100dam^2 \text{ hay } 1dam^2 = \frac{1}{100} ha$$

**Cách giải:**

$$+) 8m^2 7dm^2 = 807 dm^2$$

$$+) 6dm^2 6cm^2 = 606 cm^2$$

$$+) 15ha 3dam^2 = 15\frac{3}{100} ha$$

Ta có kết quả như sau:

a) S;                      b) Đ;                      c) Đ;

d) S;                      e) S;                      g) Đ.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1ha = 10000m^2 \text{ hay } 1m^2 = \frac{1}{10000} ha$$

**Cách giải:**

$$\text{Ta có } 1ha = 10000m^2 \text{ hay } 1m^2 = \frac{1}{10000} ha$$

$$\text{Do đó } 125 m^2 = \frac{125}{10000} ha = \frac{1}{80} ha$$

Ta có kết quả như sau: a) S;      b) Đ;      c) S.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Áp dụng cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1hm^2 = 100dam^2 ; 1dam^2 = 100m^2$$

**Cách giải:**

$$\text{Ta có } 2hm^2 345m^2 = 2hm^2 + 345m^2 = 20000m^2 + 345m^2 = 20345m^2$$

$$\text{Mà } 20345m^2 = 203\frac{45}{100} dam^2$$

$$\text{Vậy } 2\text{hm}^2 \ 345\text{m}^2 = 203\frac{45}{100} \text{dam}^2$$

Chọn C.

#### Câu 4.

##### Phương pháp:

- Đổi các số đo về cùng đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.
- Áp dụng cách đổi:  $1\text{ha} = 10000\text{m}^2$

##### Cách giải:

Ta có:  $1\text{ha} = 10000\text{m}^2$  nên  $2\text{ha} = 20000\text{m}^2$

Do đó:  $2\text{ha } 15\text{m}^2 = 20015\text{m}^2$

Ta có kết quả như sau: S; Đ; S.

#### Câu 5.

##### Phương pháp:

- Đổi số đo diện tích khu an dưỡng sang đơn vị đo là mét vuông: ta có  $1\text{ha} = 10000\text{m}^2$  nên để đổi số đo từ đơn vị ha sang đơn vị  $\text{m}^2$  ta lấy 10000 nhân với số đó.

- Tính diện tích hồ nước = diện tích khu an dưỡng  $\times \frac{4}{9}$

- Tính diện tích còn lại = diện tích khu an dưỡng - diện tích hồ nước.

##### Cách giải:

$$\text{Đổi: } 2\frac{7}{10}\text{ha} = \frac{27}{10}\text{ha} = 10000\text{m}^2 \times \frac{27}{10} = 27000\text{m}^2$$

Diện tích hồ nước là :

$$27000 \times \frac{4}{9} = 12000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích còn lại của khu an dưỡng là:

$$27000 - 12000 = 15000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số:  $15000\text{m}^2$

Chọn D.

#### Câu 6.

##### Phương pháp:

- Đổi  $\frac{3}{50}\text{m} = \frac{3}{5}\text{dm}$

- Tính độ dài đường chéo còn lại ta lấy 2 lần diện tích chia cho độ dài đường chéo đã biết.

- Tính tổng độ dài hai đường chéo

- Tính cạnh của hình thoi = tổng độ dài hai đường chéo  $\times \frac{4}{9}$

- Tính chu vi hình thoi = độ dài cạnh  $\times 4$ .

- Đổi số đo vừa tìm được sang đơn vị đo là xăng-ti-mét, lưu ý ta có:  $1\text{dm} = 10\text{cm}$ , hay  $1\text{cm} = \frac{1}{10}\text{dm}$

### Cách giải:

$$\text{Đổi } \frac{3}{50}\text{ m} = \frac{3}{5}\text{ dm}$$

Đường chéo còn lại là :

$$\frac{9}{25} \times 2 = \frac{3}{5} = \frac{6}{5}\text{ (dm)}$$

Tổng số đo hai đường chéo là:

$$\frac{3}{5} + \frac{6}{5} = \frac{9}{5}\text{ (dm)}$$

Cạnh của hình thoi là:

$$\frac{9}{5} \times \frac{4}{9} = \frac{4}{5}\text{ (dm)}$$

Chu vi của hình thoi là :

$$\frac{4}{5} \times 4 = \frac{16}{5}\text{ (dm)} = 32\text{ cm}$$

Đáp số: 32cm

### Câu 7.

#### Phương pháp:

- Vẽ hình dựa vào dữ kiện đề bài (xem hình trong phần lời giải).

- Chia phần tăng thêm thành các hình chữ nhật nhỏ, dựa vào diện tích và độ dài cạnh đã biết để tính độ dài còn lại.

- Áp dụng các công thức:

Diện tích = chiều dài  $\times$  chiều rộng;

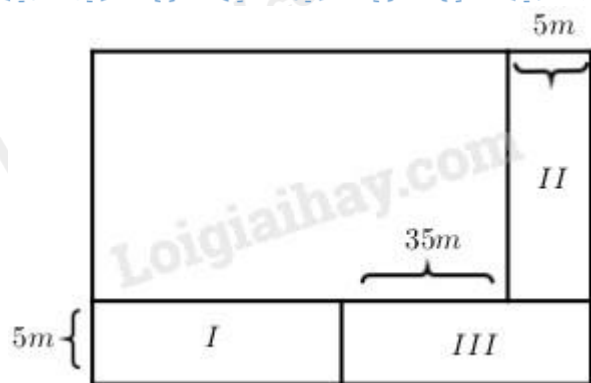
Chiều dài = diện tích : chiều rộng ;

Chiều rộng = diện tích : chiều dài.

#### Cách giải:

Theo đề bài ta có hình vẽ:





Chia phần tăng thêm thành ba hình chữ nhật như hình vẽ.

Hình III có chiều rộng là 5m, chiều dài là  $35 + 5 = 40$  (m)

Diện tích hình III là:

$$40 \times 5 = 200 \text{ (m}^2\text{)}$$

Hình I bằng hình II vì đều có chiều rộng bằng 5m và chiều dài bằng chiều rộng cũ của khu đất.

Tổng diện tích khu đất hình I và hình II là:

$$1450 - 200 = 1250 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình I hay hình II là :

$$1250 : 2 = 625 \text{ (m}^2\text{)}$$

Chiều rộng của khu đất là :

$$625 : 5 = 125 \text{ (m)}$$

Chiều dài của khu đất là :

$$125 + 35 = 160 \text{ (m)}$$

Diện tích của khu đất là :

$$160 \times 125 = 20000 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$20000 \text{ m}^2 = 2 \text{ ha}$$

Đáp số: 2ha

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a)  $14\frac{5}{10} = 14,5$

b)  $14\frac{5}{10} = 14,05$

c)  $37\frac{7}{100} = 37,7$

d)  $37\frac{7}{100} = 37,07$

e)  $5\frac{128}{1000} = 5,128$

g)  $5\frac{128}{1000} = 5,128$

**Câu 2.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$12 \text{ tạ } 7 \text{ kg} = \dots \text{ kg}$

A. 12007

B. 1207

C. 127

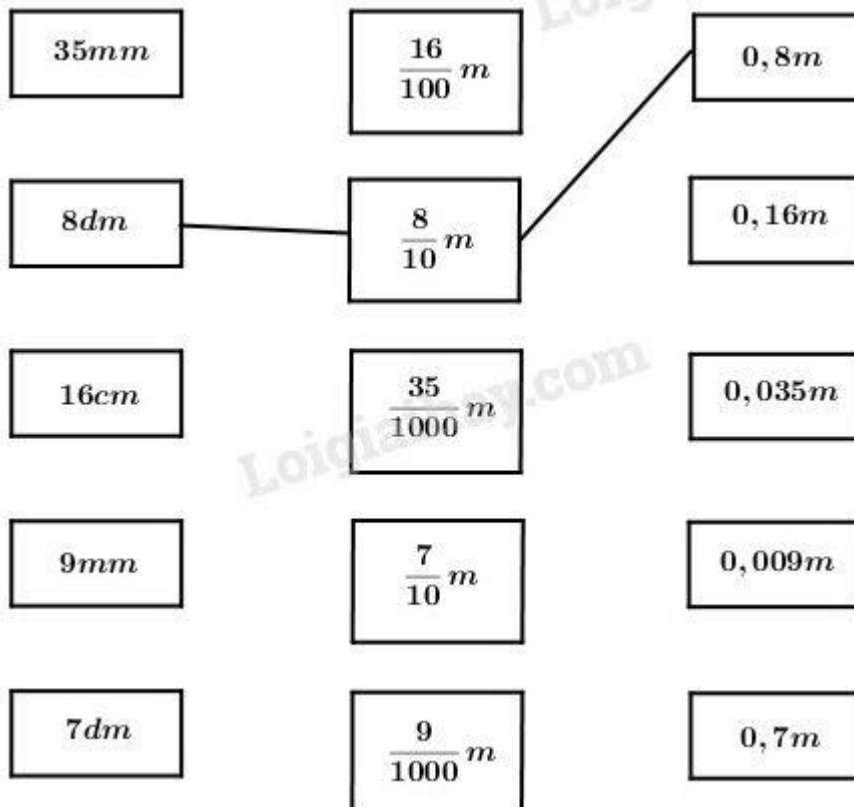
b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$14156\text{m} = \dots \text{ km}$

A. 1,4156

B. 14,156

C. 1415,6

**Câu 3.** Nối ba số có độ dài bằng nhau:

**Câu 4.** Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a)  $4,8\text{m} = 48\text{cm}$

b)  $4,8\text{m} = 48\text{dm}$

c)  $2,1 \text{ tấn} = 2100\text{kg}$

d)  $2,1 \text{ tấn} = 210 \text{ kg}$

**Câu 5.** Viết các phân số sau dưới dạng phân số thập phân và số thập phân (theo mẫu):

a)  $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = 0,6$

b)  $\frac{12}{5} = \dots = \dots$

c)  $\frac{3}{4} = \dots = \dots$

d)  $\frac{5}{8} = \dots = \dots$

**Câu 6.** Một khu đất có diện tích là 2ha.  $\frac{4}{10}$  diện tích khu đất trồng cây ăn quả.  $\frac{5}{10}$  diện tích đào ao thả cá. Hỏi còn lại bao nhiêu héc-ta để trồng rau?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 7.** Một xe tải chở 2 tạ 50kg lương thực gồm  $\frac{7}{10}$  tạ gạo nếp;  $\frac{4}{5}$  tạ gạo tẻ, còn lại là ngô. Hỏi xe đó chở bao nhiêu tạ ngô?

.....

.....

.....

.....

.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 13

**Câu 1.****Phương pháp:**

$14\frac{5}{10} = 14,5$ . Các câu khác làm tương tự.

**Cách giải:**

$$14\frac{5}{10} = 14,5 \quad 37\frac{7}{100} = 37,07 \quad 5\frac{128}{1000} = 5,128$$

Ta có kết quả như sau:

- a) Đ;                      b) S;                      c) S;  
d) Đ;                      e) S;                      g) Đ.

**Câu 2.****Phương pháp:**

a) Dựa vào cách đổi: 1 tạ = 100kg

b) Dựa vào cách đổi: 1km = 1000m hay  $1m = \frac{1}{1000}$  km

**Cách giải:**

a) Ta có 1 tạ = 100 kg nên 12 tạ = 1200kg

Do đó: 12 tạ 7kg = 1207 kg

Chọn B.

b)  $14156 m = \frac{14156}{1000} km = 14,156 km$

Chọn B.

**Câu 3.****Phương pháp:**

- Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo độ dài:

$$1dm = \frac{1}{10} m \quad 1cm = \frac{1}{100} m \quad 1mm = \frac{1}{1000} m$$

**Cách giải:**

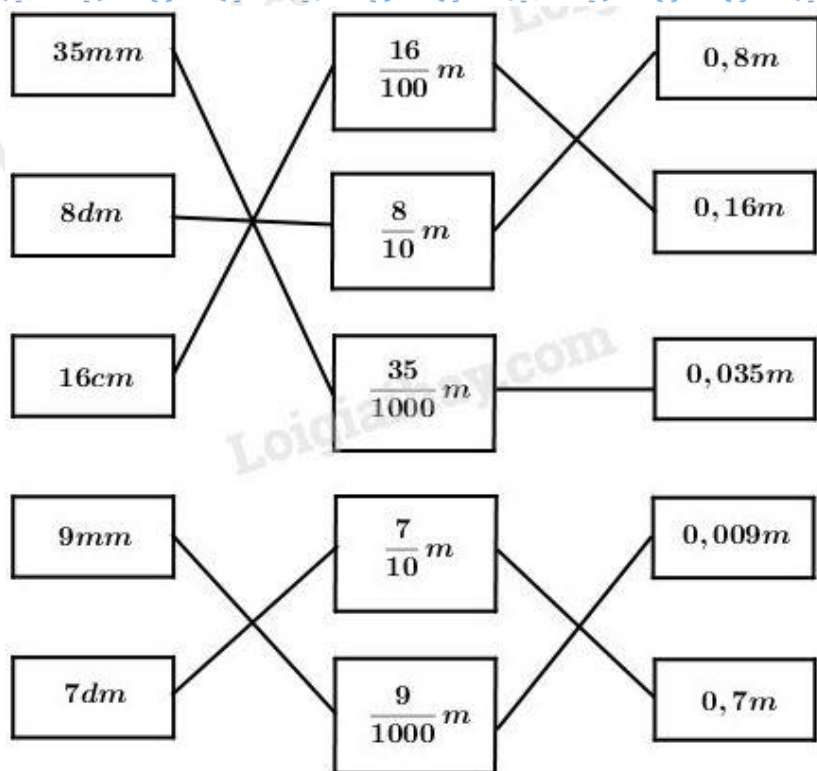
$$35mm = \frac{35}{1000} m = 0,035m;$$

$$8dm = \frac{8}{10} m = 0,8m$$

$$16cm = \frac{16}{100} m = 0,16m$$

$$9mm = \frac{9}{1000} m = 0,009m$$

$$7dm = \frac{7}{10} m = 0,7m$$



**Câu 4.**

**Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1dm = \frac{1}{10}m \qquad 1kg = \frac{1}{1000} \text{ tấn}$$

**Cách giải:**

+)  $4,8 \text{ m} = 4\frac{8}{10} \text{ m} = 4\text{m } 8\text{dm} = 48 \text{ dm}$

+)  $2,1 \text{ tấn} = 2100 \text{ kg}$

Ta có kết quả như sau: a) S;    b) Đ;    c) Đ;    d) S.

**Câu 5.**

**Phương pháp:**

- Nhân cả tử số và mẫu số của phân số với một số tự nhiên thích hợp để được phân số có mẫu số là 10, 100, 1000, ...

- Áp dụng cách chuyển đổi:  $\frac{1}{10} = 0,1$  ;  $\frac{1}{100} = 0,01$  ; ...

**Cách giải:**

a)  $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = 0,6$

b)  $\frac{12}{5} = \frac{24}{10} = 2,4$

c)  $\frac{3}{4} = \frac{75}{100} = 0,75$

d)  $\frac{5}{8} = \frac{625}{1000} = 0,625$

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

- Tính diện tích trồng cây ăn quả = diện tích khu đất  $\times \frac{4}{10}$

- Tính diện tích đào ao thả cá = diện tích khu đất  $\times \frac{5}{10}$

- Tính diện tích trồng rau = diện tích khu đất – (diện tích trồng cây ăn quả + diện tích đào ao thả cá)

**Cách giải:**

Diện tích khu đất trồng cây ăn quả là:

$$2 \times \frac{4}{10} = \frac{8}{10} \text{ (ha)}$$

Diện tích khu đất đào ao thả cá là:

$$2 \times \frac{5}{10} = 1 \text{ (ha)}$$

Diện tích còn lại để trồng rau là:

$$2 - \left( \frac{8}{10} + 1 \right) = \frac{2}{10} \text{ ha} = 0,2 \text{ ha}$$

Đáp số: 0,2ha

**Câu 7.****Phương pháp:**

- Viết 2 tạ 50kg thành số đo có đơn vị là tạ.

- Tìm tổng khối lượng gạo nếp và gạo tẻ xe chở được.

- Khối lượng ngô = tổng khối lượng xe chở được - tổng khối lượng gạo nếp và gạo tẻ.

**Cách giải:**

$$\text{Đổi: } 2 \text{ tạ } 50 \text{ kg} = 2 \frac{50}{100} \text{ tạ} = \frac{250}{100} \text{ tạ} = \frac{25}{10} \text{ tạ}$$

Xe chở khối lượng gạo nếp và gạo tẻ là:

$$\frac{7}{10} + \frac{4}{5} = \frac{15}{10} \text{ (tạ)}$$

Khối lượng ngô mà xe tải chở là:

$$\frac{25}{10} - \frac{15}{10} = 1 \text{ (tạ)}$$

Đáp số: 1 tạ.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 14**

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Viết thành phân số thập phân:  $0,008 = ?$

A.  $\frac{8}{10}$

B.  $\frac{8}{100}$

C.  $\frac{8}{1000}$

D.  $\frac{8}{10000}$

b) Viết thành phân số thập phân :  $1,025 = \dots$

A.  $\frac{1025}{10}$

B.  $\frac{1025}{100}$

C.  $\frac{1025}{1000}$

D.  $\frac{1025}{10000}$

**Câu 2.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Điền dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  vào chỗ chấm :

$$\frac{5}{8} \dots\dots 0,625$$

a)  $\frac{5}{8} > 0,625$

b)  $\frac{5}{8} = 0,625$

c)  $\frac{5}{8} < 0,625$

**Câu 3.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Chuyển phân số thành hỗn số:

a)  $\frac{208}{100} = 20\frac{8}{10}$

b)  $\frac{208}{100} = 2\frac{8}{100}$

**Câu 4.** Nối phân số (hoặc hỗn số) với số thập phân bằng nó:

$$\frac{12}{100}$$

$$\frac{205}{10}$$

$$\frac{205}{1000}$$

$$2\frac{5}{100}$$

$$\frac{12}{10}$$

$$\frac{1002}{1000}$$

$$20,5$$

$$0,205$$

$$0,12$$

$$1,2$$

$$1,002$$

$$2,05$$

**Câu 5.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Số 125,08 có phần thập phân gồm có:

a) 8 phần mười .....

b) 0 phần mười, 8 phần trăm .....

**Câu 6.** Cho 3 chữ số 1, 5, 7. Hãy lập các số thập phân có đủ ba chữ số đã cho mà phần thập phân có hai chữ số. Xếp các số lập được theo thứ tự giảm dần.

**Câu 7.** Tính rồi viết kết quả dưới dạng số thập phân:

a)  $\frac{1}{10} + \frac{4}{20} + \frac{9}{30} + \frac{16}{40} + \frac{25}{50} + \frac{36}{60} + \frac{49}{70} + \frac{64}{80} + \frac{81}{90}$

b)  $\left( \frac{4}{5} \times \frac{3}{8} + \frac{4}{5} \times \frac{5}{5} - \frac{4}{5} \times \frac{7}{8} \right) : \frac{1}{2}$

**Câu 8.** Viết đáp số dưới dạng số thập phân:

Hai công nhân cùng làm chung một công việc. Nếu người thứ nhất làm riêng thì làm xong trong 8 giờ. Nếu người thứ hai làm riêng thì làm xong trong 12 giờ.

Hỏi cả hai người làm chung thì sau mấy giờ xong công việc?



## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 14

**Câu 1.****Phương pháp:**

- Áp dụng cách chuyển đổi:  $\frac{1}{1000} = 0,001$

**Cách giải:**

$$a) 0,008 = \frac{8}{1000}$$

Chọn C.

$$b) 1,025 = \frac{1025}{1000}$$

Chọn C.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Ta có:  $1000 : 8 = 125$ . Nhân cả tử số và mẫu số của phân số  $\frac{5}{8}$  với 125 để được phân số thập phân, sau đó viết dưới dạng số thập phân.

**Cách giải:**

$$\frac{5}{8} = \frac{5 \times 125}{8 \times 125} = \frac{625}{1000} = 0,625$$

Ta có kết quả như sau: a) S; b) Đ; c) S.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Để viết phân số dưới dạng hỗn số ta lấy tử số chia cho mẫu số; thương tìm được là phần nguyên, viết phần nguyên kèm theo một phân số có tử số là số dư, mẫu số mà số chia.

**Cách giải:**

Ta có  $208 : 100 = 2$  dư 8

$$\text{Do đó } \frac{208}{100} = 2 \frac{8}{100}$$

Ta có kết quả như sau: a) S; b) Đ.

**Câu 4.****Phương pháp:**

Áp dụng cách chuyển đổi:  $\frac{1}{10} = 0,1$  ;  $\frac{1}{100} = 0,01$  ;  $\frac{1}{1000} = 0,001$

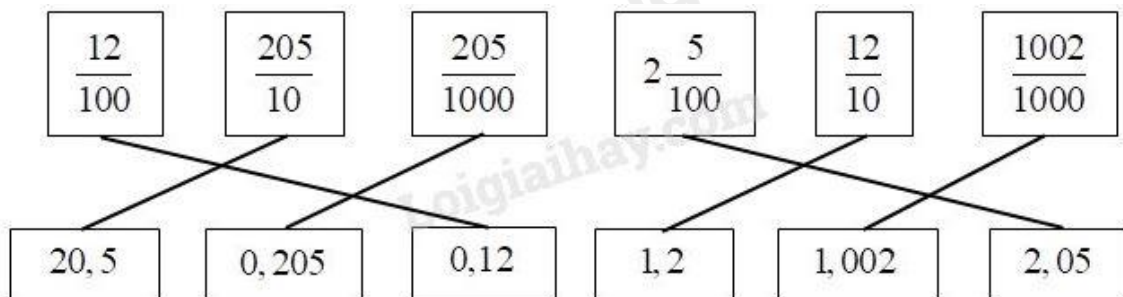
**Cách giải:**

Ta có:

$$\frac{12}{100} = 0,12 ; \frac{205}{10} = 20,5 ; \frac{205}{1000} = 0,205$$

$$2\frac{5}{100} = 2,05 ; \frac{12}{10} = 1,2 ; \frac{1002}{1000} = 1,002$$

Vậy bảng kết quả như sau:



**Câu 5.**

**Phương pháp:**

- Những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.
- Các chữ số ở bên phải dấu phẩy theo thứ tự từ trái sang phải lần lượt là hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn, ...

**Cách giải:**

Trong số thập phân 125,08 :

- Phần nguyên gồm có: 1 trăm, 2 chục, 5 đơn vị.
- Phần thập phân gồm có: 0 phần mười, 8 phần trăm.

Vậy ta có đáp án như sau: a) S;      b) Đ.

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

- Viết các số thập phân thỏa mãn yêu cầu bài toán.
- So sánh các số thập phân rồi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.

**Cách giải:**

Các số thập phân có đủ ba chữ số 1; 5; 7 mà phần thập phân có hai chữ số là:

1,57; 1,75; 5,17; 5,71; 7,15; 7,51.

Các số xếp theo thứ tự giảm dần là

7,51 ; 7,15 ; 5,71 ; 5,17 ; 1,75 ; 1,57

**Câu 7.**

**Phương pháp:**

- a) Rút gọn các phân số về cùng mẫu số chung là 10 sau đó thực hiện phép cộng các phân số.

b) Biểu thức có dấu ngoặc thì ta tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau. Biểu thức chỉ có phép nhân và phép chia thì ta tính lần lượt từ trái sang phải.

**Cách giải:**

$$\begin{aligned} \text{a) } & \frac{1}{10} + \frac{4}{20} + \frac{9}{30} + \frac{16}{40} + \frac{25}{50} + \frac{36}{60} + \frac{49}{70} + \frac{64}{80} + \frac{81}{90} \\ &= \frac{1}{10} + \frac{2}{10} + \frac{3}{10} + \frac{4}{10} + \frac{5}{10} + \frac{6}{10} + \frac{7}{10} + \frac{8}{10} + \frac{9}{10} \\ &= \frac{45}{10} = 4,5 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & \left( \frac{4}{5} \times \frac{3}{8} + \frac{4}{5} \times \frac{5}{5} - \frac{4}{5} \times \frac{7}{8} \right) : \frac{1}{2} \\ &= \frac{4}{5} \times \left( \frac{3}{8} + \frac{5}{8} - \frac{7}{8} \right) : \frac{1}{2} \\ &= \frac{4}{5} \times \frac{1}{8} : \frac{1}{2} \\ &= \frac{4}{40} : \frac{1}{2} = \frac{1}{5} \end{aligned}$$

**Câu 8.**

**Phương pháp:**

- Tìm số phần công việc người thứ nhất (hoặc người thứ hai) làm được trong 1 giờ
- Tìm số phần công việc cả hai người làm được trong 1 giờ.
- Tìm số giờ để làm xong công việc nếu hai người làm chung

**Cách giải:**

Một giờ người thứ nhất làm được số phần công việc là:

$$1 : 8 = \frac{1}{8} \text{ (công việc)}$$

Một giờ người thứ hai làm được số phần công việc là:

$$1 : 12 = \frac{1}{12} \text{ (công việc)}$$

Một giờ cả 2 người làm được số phần công việc là:

$$\frac{1}{8} + \frac{1}{12} = \frac{5}{24} \text{ (công việc)}$$

Thời gian hai người làm chung để xong công việc:

$$1 : \frac{5}{24} = \frac{24}{5} \text{ (giờ)} = 4,8 \text{ giờ}$$

Đáp số: 4,8 giờ.

Họ và tên: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 15**

Lớp: .....

**Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $19,750 = 19,75$

b)  $19,750 = 197,50$

c)  $30,08 = 300,80$

d)  $30,08 = 30,080$

**Câu 2.** Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

A.  $0,0400 = \frac{400}{10}$

B.  $0,0400 = \frac{400}{100}$

C.  $0,0400 = \frac{400}{1000}$

D.  $0,0400 = \frac{400}{10000}$

**Câu 3.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a)  $42,42 < 42,042$

b)  $42,42 > 42,042$

c)  $25,05 > 25,050$

d)  $25,05 = 25,050$

**Câu 4.** Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Viết số thập phân 40,060 dưới dạng rút gọn nhất:

A. 4,6

B. 40,6

C. 40,006

D. 40,06

**Câu 5.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

Các số sau đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) 0,6 ; 0,25 ; 0,48 ; 0,312

b) 0,25 ; 0,312 ; 0,48 ; 0,6

**Câu 6.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:a) Tìm số tự nhiên x biết:  $42,95 < x < 43,01$ 

x = 42

x = 43

b) Tìm chữ số x biết:  $\overline{36,x9} < 36,1$ 

x = 0

x = 1

**Câu 7.** Hãy xếp các số sau theo thứ tự giảm dần:

15,1 ; 14,7 ; 14,09 ; 21,02 ; 32,09

**Câu 8.** Tìm hai số tự nhiên liên tiếp a và b biết:

$$a < 20,01 < b$$

**Câu 9.** Viết đáp số dưới dạng số thập phân.

Một mảnh bìa hình chữ nhật có chiều dài bằng  $\frac{3}{4}$  m, chiều rộng bằng  $\frac{4}{5}$  chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh bìa đó.

**Câu 10.** Cho 4 chữ số 0, 2, 4, 6. Hãy lập các số thập phân có đủ 4 chữ số khác nhau mà phần thập phân có 3 chữ số.

**Câu 11.** Tính bằng cách thuận tiện nhất rồi viết kết quả dưới dạng số thập phân.

$$\frac{42 \times 37}{74 \times 84} = \dots = \dots = \dots$$

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 15

**Câu 1.****Phương pháp:**

- Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.
- Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.

**Cách giải:**

Ta có:  $19,750 = 19,75$  ;  $30,08 = 30,080$

Vậy kết quả như sau: a) Đ; b) S; c) S; d) Đ.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Áp dụng cách chuyển đổi  $\frac{1}{10000} = 0,0001$

**Cách giải:**

Ta có:  $0,0400 = \frac{400}{10000}$ . Chọn D.

**Câu 3.****Phương pháp:**

\*) Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

\*) Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau:

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

**Cách giải:**

+) Hai số thập phân 42,42 và 42,042 đều có phần nguyên bằng nhau là 42, ở hàng phần mười ta có  $4 > 0$ , do đó  $42,42 > 42,042$

+) Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

Do đó:  $25,05 = 25,050$

Vậy ta có kết quả như sau:



**Cách giải:**

Ta có  $32,09 > 21,02 > 15,1 > 14,7 > 14,09$

Vậy các số được xếp theo thứ tự giảm dần là :  $32,09 ; 21,02 ; 15,1 ; 14,7 ; 14,09$

**Câu 8.****Phương pháp:**

Dựa vào dữ kiện đề bài và cách so sánh các số thập phân để tìm các số tự nhiên thỏa mãn yêu cầu đề bài.

**Cách giải:**

Theo đề bài:  $a < 20,01 < b$

Mà a, b là hai số tự nhiên liên tiếp nên  $a = 20; b = 21$

Thử lại ta có:  $20 < 20,01 < 21$

Vậy  $a = 20 ; b = 21$

**Câu 9.****Phương pháp:**

- Tính chiều rộng = chiều dài  $\times \frac{4}{5}$

- Tính chu vi = (chiều dài + chiều rộng)  $\times 2$

- Tính diện tích = chiều dài  $\times$  chiều rộng.

**Cách giải:**

Chiều rộng mảnh bìa là:

$$\frac{3}{4} \times \frac{4}{5} = \frac{3}{5} \text{ (m)}$$

Chu vi mảnh bìa là:

$$\left( \frac{3}{4} + \frac{3}{5} \right) \times 2 = \frac{27}{10} \text{ (m)} = 2,7 \text{ m}$$

Diện tích mảnh bìa là:

$$\frac{3}{4} \times \frac{3}{5} = \frac{9}{20} \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\frac{9}{20} \text{ m}^2 = 0,45 \text{ m}^2$$

Đáp số: Chu vi: 2,7m

Diện tích: 0,45m<sup>2</sup>

**Câu 10.****Phương pháp:**



Các số thập phân có đủ 4 chữ số khác nhau và phần thập phân có 3 chữ số nên phần nguyên sẽ gồm 1 chữ số. Các số thập phân sẽ có phần nguyên lần lượt là 0 ; 2 ; 4 ; 6. Ta lần lượt lập các số thập phân thỏa mãn yêu cầu bài toán.

**Cách giải:**

Các số thập phân thỏa mãn yêu cầu bài toán lập được là:

- 0,246 ; 0,264 ; 0,426 ; 0,462 ; 0,624 ; 0,642 ;

- 2,046 ; 2,064 ; 2,406 ; 2,460 ; 2,604 ; 2,640 ;

- 4,026 ; 4,062 ; 4,206 ; 4,260 ; 4,602 ; 4,620 ;

- 6,024 ; 6,042 ; 6,204 ; 6,240 ; 6,402 ; 6,420.

**Câu 11.**

**Phương pháp:**

- Tách mẫu số thành tích của các thừa số, sau đó lần lượt chia tử số và mẫu số cho các thừa số chung.
- Viết phân số tìm được dưới dạng phân số thập phân rồi viết dưới dạng số thập phân.

**Cách giải:**

$$\frac{42 \times 37}{74 \times 84} = \frac{42 \times 37}{37 \times 2 \times 42 \times 2} = \frac{1}{4} = 0,25$$

Họ và tên: .....

## ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 16

Lớp: .....

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Viết số thập phân 900,0500 dưới dạng gọn nhất

- A. 9,5                      B. 9,05                      C. 900,5                      D. 900,05

**Câu 2.** Đúng chọn Đ, sai chọn S:Tìm chữ số x biết  $\overline{8,6x5} > 8,675$ 

- a)  $x = 6$                        b)  $x = 7$    
c)  $x = 8$                        d)  $x = 9$

**Câu 3.** Đúng chọn Đ, sai chọn S:

- a)  $\frac{4}{10} < 0,40$    
b)  $\frac{4}{10} = 0,4$    
c)  $\frac{1357}{1000} = 1,357$    
d)  $\frac{1357}{1000} > 1,357$    
e)  $3\frac{5}{100} > 3,5$    
g)  $3\frac{5}{100} < 3,5$

**Câu 4.** Đúng chọn Đ, sai chọn S:

Các số sau đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- a) 0,42 ; 0,024 ; 0,042 ; 0,24 ; 0,204 ; 0,402  
b) 0,024 ; 0,042 ; 0,204 ; 0,24 ; 0,402 ; 0,42

**Câu 5.** Đúng chọn Đ, sai chọn S:Điền dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  vào ô trống:

- a)  $78,875 > 78,88$    
b)  $0,529 < 0,53$    
c)  $27,68 < 27,592$    
c)  $53,02 = 53,0200$

**Câu 6.** Tìm số thập phân x biết:

a)  $x + \frac{3}{4} = \frac{4}{5}$

b)  $x - \frac{1}{2} = \frac{5}{8}$

.....  
 .....  
 .....

.....  
 .....  
 .....

c)  $x \times \frac{5}{6} = \frac{4}{5}$

d)  $x : \frac{5}{8} = \frac{1}{25}$

.....  
 .....  
 .....

.....  
 .....  
 .....

**Câu 7.** Cho bốn chữ số 3, 2, 1, 0. Hãy viết tất cả các số thập phân bé hơn 1 với đủ bốn chữ số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....  
 .....  
 .....

**Câu 8.** Viết đáp số dưới dạng số thập phân.

Trung bình cộng của 3 số là  $\frac{5}{8}$ . Số thứ ba bằng trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai. Hiệu của số thứ nhất và số thứ hai là  $\frac{1}{4}$ . Tìm ba số đó.

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 16

**Câu 1.****Phương pháp:**

Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.

**Cách giải:**

Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.

Do đó,  $900,0500 = 900,050 = 900,05$

Vậy số thập phân 900,0500 được viết dưới dạng gọn nhất là 900,05

Chọn D.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Dựa vào dữ kiện đề bài và cách so sánh các số thập phân để tìm số tự nhiên thỏa mãn yêu cầu đề bài.

**Cách giải:**

Hai số thập phân đã cho đều có phần nguyên là 8 và chữ số ở hàng phần mười là 6, chữ số ở hàng phần nghìn đều là 5.

Số  $8,6x5$  có chữ số ở hàng phần trăm là  $x$ , số  $8,675$  có chữ số ở hàng phần trăm là 7

Lại có theo đề bài  $\overline{8,6x5} > 8,675$ , từ đó suy ra  $x > 7$ . Do đó  $x = 8$  hoặc  $x = 9$

Vậy ta có kết quả là:

a) S;      b) S;      c) Đ;      d) Đ.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Viết các phân số hoặc hỗn số dưới dạng số thập phân, sau đó so sánh các số thập phân đó.

**Cách giải:**

$$+) \frac{4}{10} = 0,4 = 0,40$$

$$+) \frac{1357}{1000} = 1,357$$

$$+) 3\frac{5}{100} = 3,05$$

Mà  $3,05 < 3,5$ . Vậy  $3\frac{5}{100} < 3,5$

Vậy ta có kết quả như sau:

- a) S;                      b) Đ;                      c) Đ;  
d) S;                      e) S;                      g) Đ.

#### Câu 4.

##### Phương pháp:

So sánh các số tự nhiên đã cho, sau đó sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

##### Cách giải:

Các số được xếp theo thứ tự giảm dần là :

0,024 ; 0,042 ; 0,204 ; 0,24 ; 0,402 ; 0,42

Vậy kết quả như sau: a) S;                      b) Đ.

#### Câu 5.

##### Phương pháp:

Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau:

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

##### Cách giải:

+)  $78,875 < 78,88$

+)  $0,529 < 0,53$

+)  $27,68 > 27,592$

+)  $53,02 = 53,0200$

Ta có kết quả như sau:

- a) S;    b) Đ;  
c) S;    d) Đ.

#### Câu 6.

##### Phương pháp:

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

**Cách giải:**

$$\text{a) } x + \frac{3}{4} = \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{4}{5} - \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{1}{20}$$

$$\text{c) } x \times \frac{5}{6} = \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{4}{5} : \frac{5}{6}$$

$$x = \frac{24}{25}$$

$$\text{b) } x - \frac{1}{2} = \frac{5}{8}$$

$$x = \frac{5}{8} + \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{9}{8}$$

$$x : \frac{5}{8} = \frac{1}{25}$$

$$x = \frac{1}{25} \times \frac{5}{8}$$

$$x = \frac{1}{40}$$

**Câu 7.**

**Phương pháp:**

Các số thập phân bé hơn 1 và có đủ bốn chữ số 3 ; 2 ; 1 ; 0 phải có phần nguyên là 0 và phần thập phân gồm các chữ số 3 ; 2 ; 1

**Cách giải:**

Các số thập phân bé hơn 1 và có đủ bốn chữ số 3 ; 2 ; 1 ; 0 là:

$$0,123 ; 0,132 ; 0,213 ; 0,231 ; 0,312 ; 0,321$$

Vậy các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

$$0,123 ; 0,132 ; 0,213 ; 0,231 ; 0,312 ; 0,321$$

**Câu 8.**

**Phương pháp:**

- Vẽ sơ đồ biểu diễn trung bình cộng dựa vào ba số.

- Số thứ ba bằng trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai nên số thứ ba bằng trung bình cộng của cả ba số. Từ đó tìm được số thứ ba.

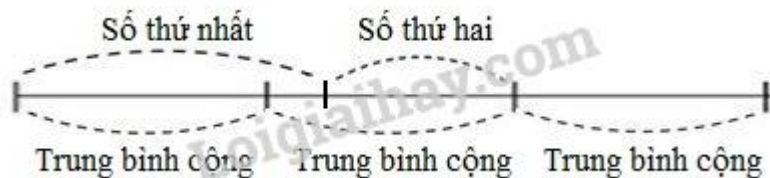
- Tìm tổng của số thứ nhất và số thứ hai = Số thứ ba x 2

- Tìm số thứ nhất, số thứ hai dựa vào bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó:

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2 ; \quad \text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$$

**Cách giải:**

Ta có sơ đồ:



Số thứ ba bằng trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai nên số thứ ba bằng trung bình cộng của cả ba số.

Vậy số thứ ba là  $\frac{5}{8} = 0,625$

Tổng của số thứ nhất và số thứ hai là :

$$\frac{5}{8} \times 2 = \frac{5}{4}$$

Số thứ hai là:

$$\left(\frac{5}{4} - \frac{1}{4}\right) : 2 = \frac{1}{2} = 0,5$$

Số thứ nhất là:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{4} = \frac{3}{4} = 0,75$$

Đáp số: Số thứ nhất: 0,75

Số thứ hai: 0,5

Số thứ ba: 0,625

Họ và tên: .....

Lớp: .....

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 17****Môn: Toán – Lớp 5**

Thời gian làm bài: 40 phút

**Câu 1.** Đúng chọn **Đ**, sai chọn **S**:

a)  $6\text{m } 6\text{dm} = 6,6\text{m}$

b)  $6\text{m } 6\text{dm} = 6,06\text{m}$

c)  $14\text{m } 4\text{cm} = 14,4\text{m}$

d)  $14\text{m } 4\text{cm} = 14,04\text{m}$

e)  $8\text{dm } 8\text{mm} = 8,8\text{dm}$

g)  $8\text{dm } 8\text{mm} = 8,08\text{dm}$

h)  $6\text{km } 50\text{m} = 6,50\text{km}$

k)  $6\text{km } 50\text{m} = 6,05\text{km}$

**Câu 2.** Đúng chọn **Đ**, sai chọn **S**:

a)  $268\text{kg} = 2,68 \text{ tạ}$

b)  $268\text{kg} = 26,8 \text{ tạ}$

c)  $350\text{kg} = 3,5 \text{ tấn}$

d)  $350\text{kg} = 0,35 \text{ tấn}$

**Câu 3.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  $1234\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$ 

A. 1,234

B. 12,34

C. 0,1234

D. 0,01234

**Câu 4.** Nối hai số đo diện tích bằng nhau:45,6 m<sup>2</sup>0,456 m<sup>2</sup>4,56 m<sup>2</sup>0,0456 m<sup>2</sup>456 dm<sup>2</sup>4,56 dm<sup>2</sup>4560 dm<sup>2</sup>45,6 dm<sup>2</sup>**Câu 5.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời là đúng:



Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 3,5km, chiều rộng bằng  $\frac{4}{7}$  chiều dài.

Hỏi diện tích khu vườn đó là bao nhiêu héc-ta?

- A. 70ha                      B. 700ha                      C. 7000ha

**Câu 6.** Một xe máy trung bình mỗi phút đi được 600m. Hỏi:

- a) Mỗi giờ xe máy đi được bao nhiêu ki-lô-mét?  
b) Xe máy đi được 21km 600m thì hết bao nhiêu phút?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 7.** Bốn con bò ăn hết một tạ cỏ trong một ngày. Hỏi 2 con bò như thế trong 30 ngày ăn hết bao nhiêu tấn cỏ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 8.** Một khu đất hình vuông có chu vi là 1km. Hỏi diện tích khu đất đó là bao nhiêu héc-ta?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 17

**Câu 1.****Phương pháp:**

- Viết các số đo dưới dạng hỗn số sau đó viết dưới dạng số thập phân.
- Áp dụng cách chuyển đổi các đơn vị đo độ dài:

$$1dm = \frac{1}{10} m$$

$$1cm = \frac{1}{100} m$$

$$1mm = \frac{1}{100} dm$$

$$1m = \frac{1}{1000} km$$

**Cách giải:**

$$6m\ 6dm = 6\frac{6}{10} m = 6,6m$$

$$14m\ 4cm = 14\frac{4}{100} m = 14,04m$$

$$8dm\ 8mm = 8\frac{8}{100} dm = 8,08dm$$

$$6km\ 50m = 6\frac{50}{1000} km = 6,050km = 6,05km$$

Ta có kết quả như sau:

- a) Đ;      b) S;      c) S;      d) Đ;  
e) S;      g) Đ;      h) S;      k) Đ.

**Câu 2.****Phương pháp:**

Áp dụng cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng:

$$1\text{ tạ} = 100kg, \text{ hay } 1kg = \frac{1}{100} \text{ tạ}$$

$$1\text{ tạ} = 1000kg, \text{ hay } 1kg = \frac{1}{1000} \text{ tấn}$$

**Cách giải:**

$$268kg = \frac{268}{100} \text{ tạ} = 2,68 \text{ tạ}$$

$$350\text{ kg} = \frac{350}{1000} \text{ tấn} = 0,350 \text{ tấn} = 0,35 \text{ tấn}$$

Ta có kết quả như sau:

- a) Đ;      b) S;      c) S;      d) Đ.

**Câu 3.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1ha = 10000m^2 \text{ hay } 1m^2 = \frac{1}{10000}ha$$

**Cách giải:**

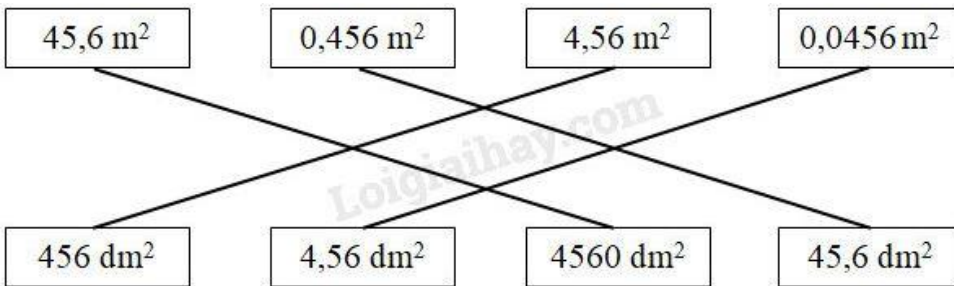
$$1234m^2 = \frac{1234}{10000}ha = 0,1234ha$$

Chọn C.

**Câu 4.****Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1dm^2 = \frac{1}{100}m^2$$

**Cách giải:****Câu 5.****Phương pháp:**

- Đổi:  $3,5km = 35hm$

- Tính chiều rộng = chiều dài  $\times \frac{4}{7}$

- Tính diện tích = chiều dài  $\times$  chiều rộng.

**Cách giải:**

Đổi:  $3,5km = 35hm$

Chiều rộng khu vườn đó là:

$$35 \times \frac{4}{7} = 20 \text{ (hm)}$$

Diện tích khu vườn đó là:

$$35 \times 20 = 700 \text{ (hm}^2\text{)} = 700 \text{ ha}$$

Đáp số: 700ha

Chọn B.

**Câu 6.****Phương pháp:**

- Đổi 1 giờ = 60 phút; 21km 600m = 21600m
- Tính số mét đường ô tô đi được trong 1 giờ ta lấy số mét đường đi được trong 1 phút nhân với 60, sau đó đổi sang đơn vị đo là ki-lô-mét.
- Tính thời gian xe máy đi hết 21km 600m (hay 21600m) ta lấy 21600 chia cho số mét đường đi được trong 1 phút.

**Cách giải:**

Đổi: 1 giờ = 60 phút; 21km 600m = 21600m

a) Một giờ xe máy đi được số ki-lô-mét là:

$$600 \times 60 = 36000 \text{ (m)}$$

$$36000 \text{ m} = 36 \text{ km}$$

b) Xe máy đi 21600m hết số phút là:

$$21600 : 600 = 36 \text{ (phút)}$$

Đáp số: a) 36km

b) 36 phút

**Câu 7.****Phương pháp:**

- Tính số cỏ 1 con bò ăn trong 1 ngày ta lấy số cỏ 4 con bò ăn trong 1 ngày chia cho 4
- Tính số cỏ 2 con bò ăn trong 1 ngày ta lấy số cỏ 1 con bò ăn trong 1 ngày nhân với 2
- Tính số cỏ 2 con bò ăn trong 30 ngày ta lấy số cỏ 2 con bò ăn trong 1 ngày nhân với 30

**Cách giải:**

Trong 1 ngày 1 con bò ăn hết số cỏ là:

$$1 : 4 = \frac{1}{4} \text{ (tạ cỏ)}$$

Trong 1 ngày 2 con bò ăn hết số cỏ là:

$$\frac{1}{4} \times 2 = \frac{1}{2} \text{ (tạ cỏ)}$$

Trong 30 ngày 2 con bò ăn hết số cỏ là:

$$\frac{1}{2} \times 30 = 15 \text{ (tạ cỏ)}$$

Đáp số: 15 tạ cỏ.

**Câu 8.****Phương pháp:**

- Đổi 1km = 1000m

- Tính cạnh khu đất = chu vi : 4

- Tính diện tích = cạnh x cạnh

- Đổi số đo diện tích vừa tìm được sang đơn vị héc-ta. Lưu ý ta có  $1m^2 = \frac{1}{10000}ha$

**Cách giải:**

Đổi 1km = 1000m

Cạnh khu đất hình vuông đó là:

$$1000 : 4 = 250 \text{ (m)}$$

Diện tích khu đất hình vuông đó là:

$$250 \times 250 = 62500 \text{ (m}^2\text{)} = 6,25 \text{ ha}$$

Đáp số: 6,25ha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com



Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com